

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾT TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Huân

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mỹ

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TOÀN THẮNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Thị Huân

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị My

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Thị Huân

Mã SV: 120259

Lớp: QT1204K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng
 - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng từ đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu năm 2011 của công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị My

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*
PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo nền kinh tế phồn vinh, thịnh vượng. Hiện nay Đảng và Nhà nước ta có nhiều chính sách phát triển kinh tế nhằm phát huy tối đa tiềm năng kinh tế của mọi thành phần thì yêu cầu đặt ra đối với doanh nghiệp Nhà nước phải giữ được vị trí là nòng cốt để đảm bảo cho nền kinh tế xã hội phát triển đúng hướng. Như vậy đối với các doanh nghiệp đòi hỏi các nhà quản lý doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất, bảo toàn và phát triển vốn, chiến thắng trong cạnh tranh, đứng vững ổn định trong thương trường và phát triển bền vững lâu dài.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng. Việt Nam đã dần trở thành một thị trường sôi động. Trong phần đóng góp của các doanh nghiệp phải kể đến phần đóng góp rất lớn của công tác quản trị tài chính trong doanh nghiệp mà hạch toán kế toán là bộ phận quan trọng của hệ thống quản trị tài chính. Đây là bộ phận gián tiếp góp phần tạo nên thành công chung cho các doanh nghiệp. Nó có vai trò tích cực trong điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế góp phần tích cực vào quản lý tài chính của nhà nước nói riêng và quản lý doanh nghiệp nói chung vì nó giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra quyết định nhanh chóng và hợp lý nhất đảm bảo cho sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh. Việc ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, sau một thời gian thực tế tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng cùng với những kiến thức đã tiếp thu được trong quá trình học tập em xin nêu ra những ý kiến của mình về vấn đề : **"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng"**, để qua đó em có cơ hội tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và từ đó đưa ra những giải pháp của riêng mình đối với mảng đề tài này.

Mặc dù được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo ThS.Nguyễn Thị Mỹ cùng các thầy cô trong trường và các anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng nhưng do bản thân em còn thiếu những kiến thức thực tế nên trong bài viết của em vẫn còn nhiều thiếu sót.

Em kính mong các thầy cô chỉ bảo hướng dẫn để em hoàn thành tốt bài khoá luận này và cả trong quá trình làm việc sau này.

Nội dung khoá luận của em gồm 3 chương sau (không kể lời mở đầu và kết luận)

CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Doanh thu và các loại doanh thu.

1.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp

- Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động; chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp... Đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức tăng sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp.

- Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tốt góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn làm cho dòng vốn kinh doanh không bị ứ đọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Cuối cùng nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải những

khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ khó khăn về tài chính, nếu tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại dẫn đến phá sản doanh nghiệp.

1.1.1.3 Các loại doanh thu

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh

nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp....

Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:

- Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận)
- ❖ **Thu nhập khác:** Là các khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính).

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao

quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách....

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp: Thuế GTGT, thuế XK, thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

1.1.2. Chi phí và các loại chi phí

1.1.2.1. Khái niệm

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản chi phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí đóng vai trò quan trọng nhất trong các doanh nghiệp. Chi phí giảm thì lợi nhuận sẽ tăng. Vì vậy việc giảm chi phí một cách hợp lý là nhiệm vụ sống còn đối với mỗi doanh nghiệp.

1.1.2.2 Các loại chi phí

a. Chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ

cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

❖ Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: Là toàn bộ các khoản tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa vận chuyển đi tiêu thụ và các khoản tính theo lương (khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ).
- Chi phí vật liệu, bao bì: Là các khoản chi phí về vật liệu, bao bì để đóng gói, bảo quản sản phẩm, hàng hóa, vật liệu để sửa chữa TSCĐ dùng trong khâu bán hàng, nhiên liệu cho vận chuyển sản phẩm hàng hóa
- Chi phí dụng cụ đồ dùng: Là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Chi phí khấu hao TSCĐ: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.
- Chi phí bảo hành sản phẩm: Là các khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định và bảo hành.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý...
- Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hóa...

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, chi phí quản lý doanh nghiệp chia ra các khoản chi phí sau:

- Chi phí nhân viên quản lý: Gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc,

nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định

- Chi phí vật liệu quản lý: Trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: Chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Khấu hao cho những tài sản dùng chung cho doanh nghiệp như văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn...

- Thuế phí, lệ phí: Các khoản thuế như thuế nhà, đất, thuế môn bài... và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: Khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, nước, thuê sửa chữa TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản đã kể trên như chi hội nghị, chi tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi khác...

b. Chi phí hoạt động tài chính

Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

c. Chi phí hoạt động khác: gồm chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

* Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ

năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí khác

* Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp.

1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

1.1.3.1. Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: Là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác: Là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ đi chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3.2. Ý nghĩa, tác dụng, vai trò của kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết

cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.
- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.
- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

Bán hàng: Là bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc các sản phẩm mua vào. Để bán hàng hóa thì doanh nghiệp thường có các phương thức bán hàng sau:

- **Bán hàng trực tiếp:** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ. Bao gồm bán buôn và bán lẻ:

- **Bán buôn:** Bán buôn hàng hóa là việc bán hàng cho các đơn vị thương mại hoặc bán cho các đơn vị sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của bán buôn thường là bán với khối lượng lớn, hàng hóa chưa tới tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng hàng hóa chưa được thực hiện đầy đủ.

- **Bán lẻ:** Trong khâu bán lẻ, chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hóa xuất giao cho khách hàng và thu tiền trong cùng một thời điểm. Vì vậy thời điểm tiêu thụ đối với khâu bán lẻ thường được tiến hành theo phương thức sau:

- + Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Phương thức này tách rời nhân viên bán hàng và nhiệm vụ thu tiền. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hóa đơn thu tiền và giao cho khách hàng để khách hàng đến giao nhận hàng ở quầy do nhân viên bán hàng giao.

- + Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao hàng cho khách hàng. Cuối mỗi ca, nhân viên bán hàng kiểm kê tiền làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hóa hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hóa bán ra trong ca.

- **Bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu và được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

- **Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán chuyển quyền sở hữu cho bên mua.

- **Phương thức hàng đổi hàng.**

Hàng đổi hàng là phương thức tiêu thụ mà trong đó, người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa của mình để đổi lấy vật tư, hàng hóa của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hóa, vật tư đó trên thị trường.

- **Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ.**

Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương, thưởng cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

a. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu.

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu chưa xác định.

Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là đã bán nhưng vì lý do về chất lượng, về qui cách kỹ thuật người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp nhận; hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu này được theo dõi riêng biệt trên các Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”, hoặc Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”, Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”, cuối kỳ kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là đã bán trong kỳ và không được ghi vào Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mà chỉ hạch toán vào bên có Tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên Tài khoản 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”.

b. Chứng từ, tài khoản sử dụng

*** Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

❖ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh

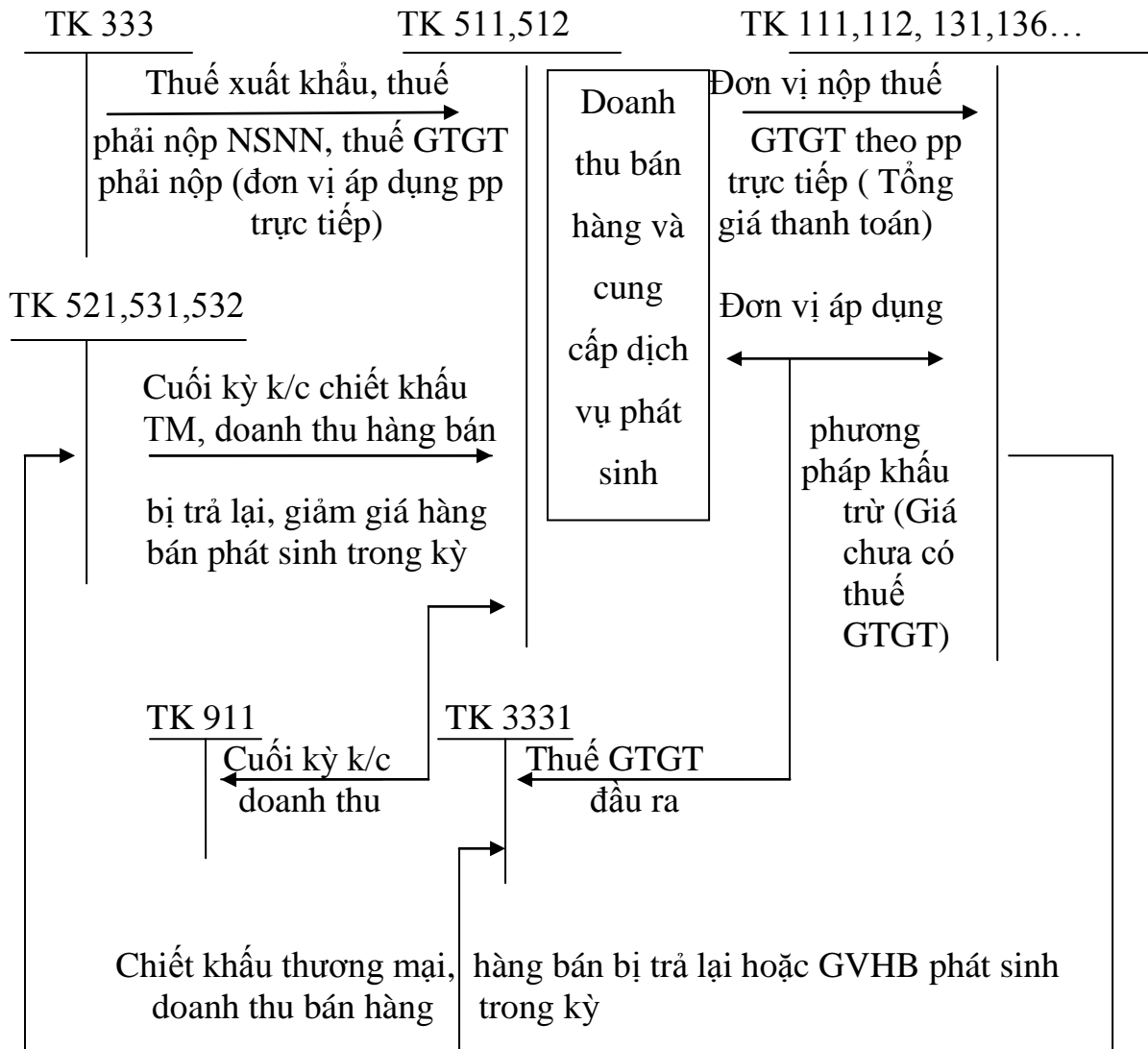
➤ Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Bên có:
 - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
 - Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
 - Tài khoản 5118 – Doanh thu khác
- ❖ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ
 - Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.
- Bên nợ:
 - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
 - Bên có:
 - Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
 - Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.
 - Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
 - Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

c. Phương pháp hạch toán

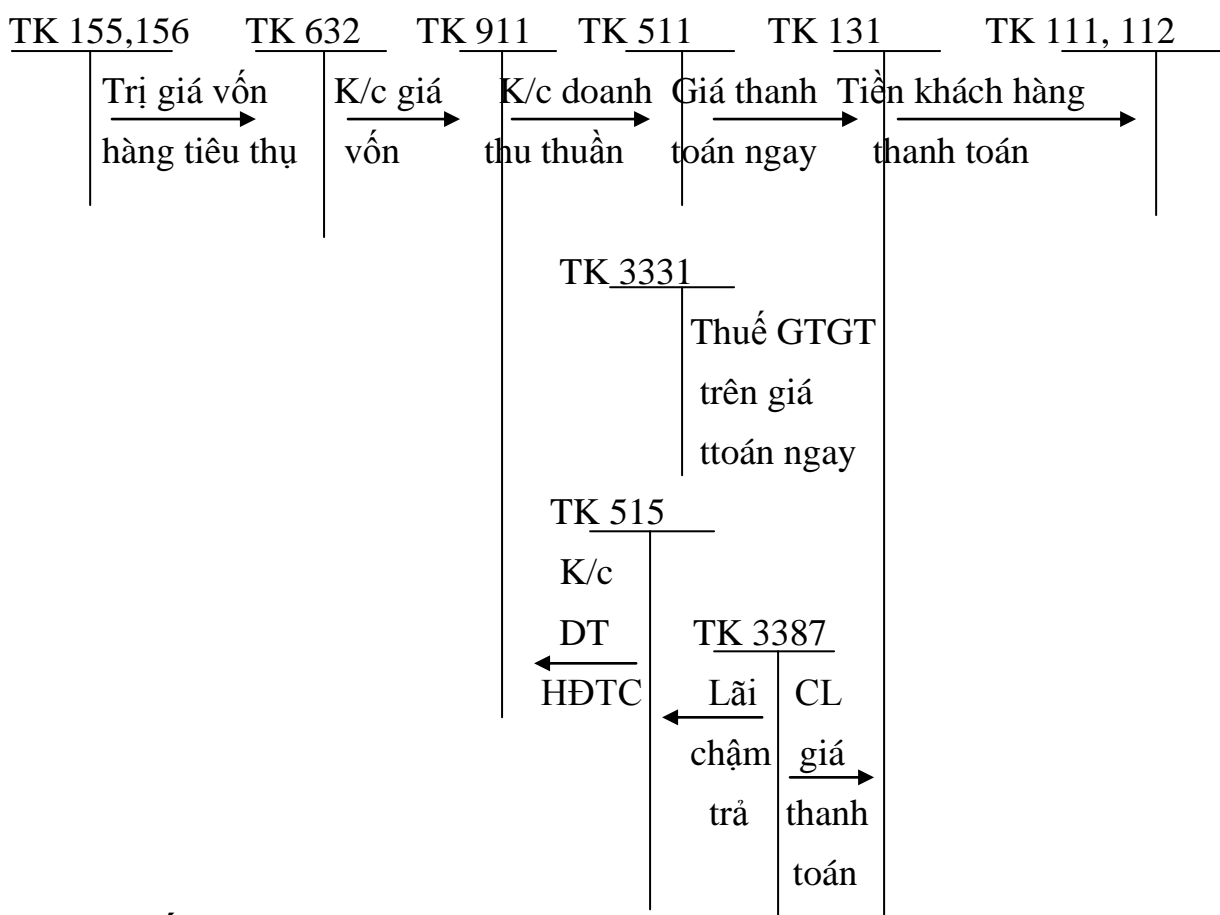
Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1 – Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*** Phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng**

+ Sơ đồ kế toán tại đơn vị giao đại lý



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng (sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ) với số lượng lớn và theo thảo thuận bên bán dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng)

➤ Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng” .

➤ Bên nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ Bên có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất....

➤ Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

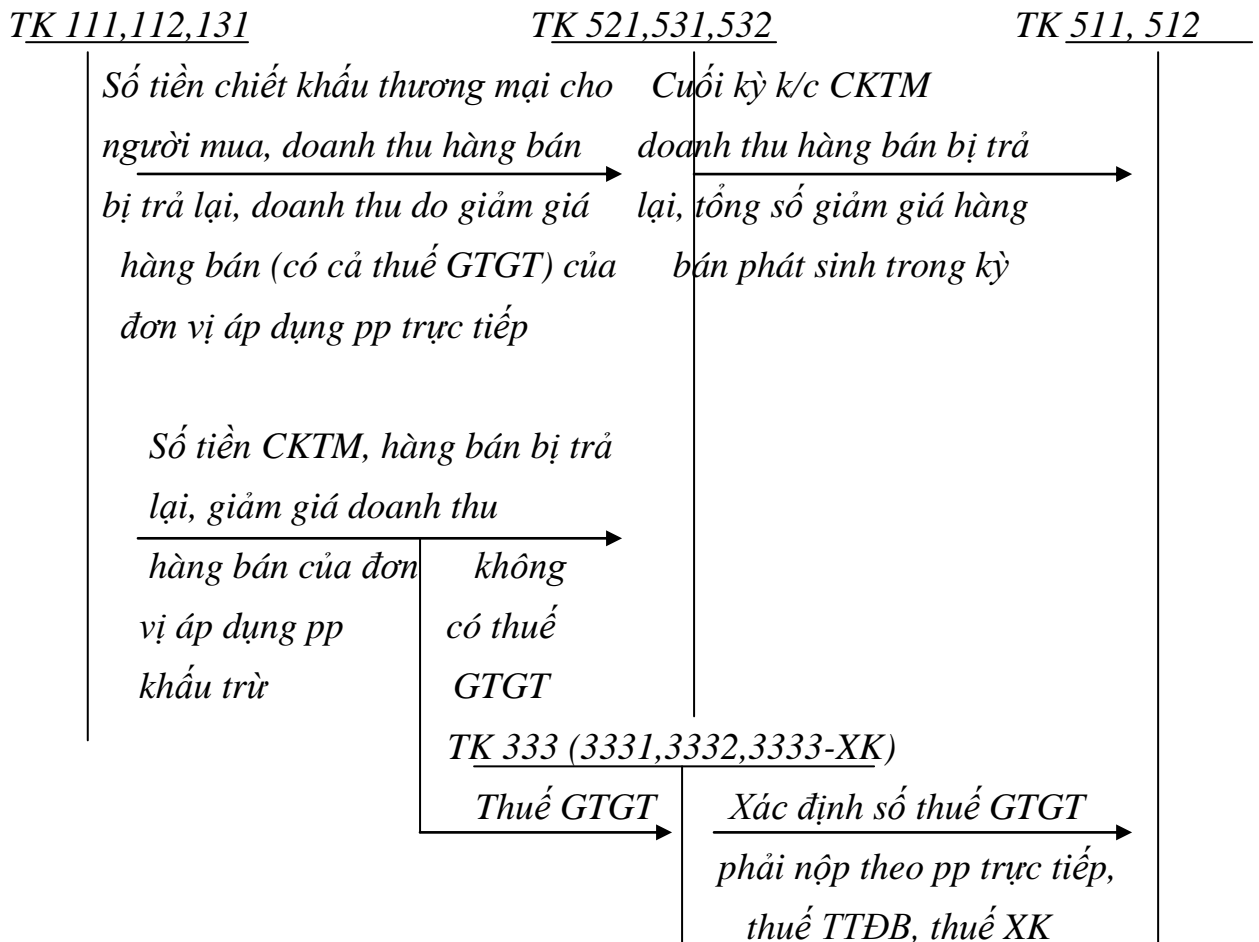
➤ Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”

➤ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

* Ngoài ra còn sử dụng Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK3332), thuế xuất khẩu (TK3333 – XK)

*** Sơ đồ 2 : Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**



Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*** Phương pháp tính giá vốn hàng bán**

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong bốn phương pháp sau:

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền**

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền ta có thể áp dụng 1 trong 2 cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất trong kỳ} = \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng hóa tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ **Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc xu hướng giảm.

❖ **Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau – xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

* **Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

* **Tài khoản sử dụng.**

➤ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của Tài khoản 632 như sau:

➤ Bên nợ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Các khoản hao hụt, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- Bên có:
 - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
 - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

*** Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán**

✚ Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

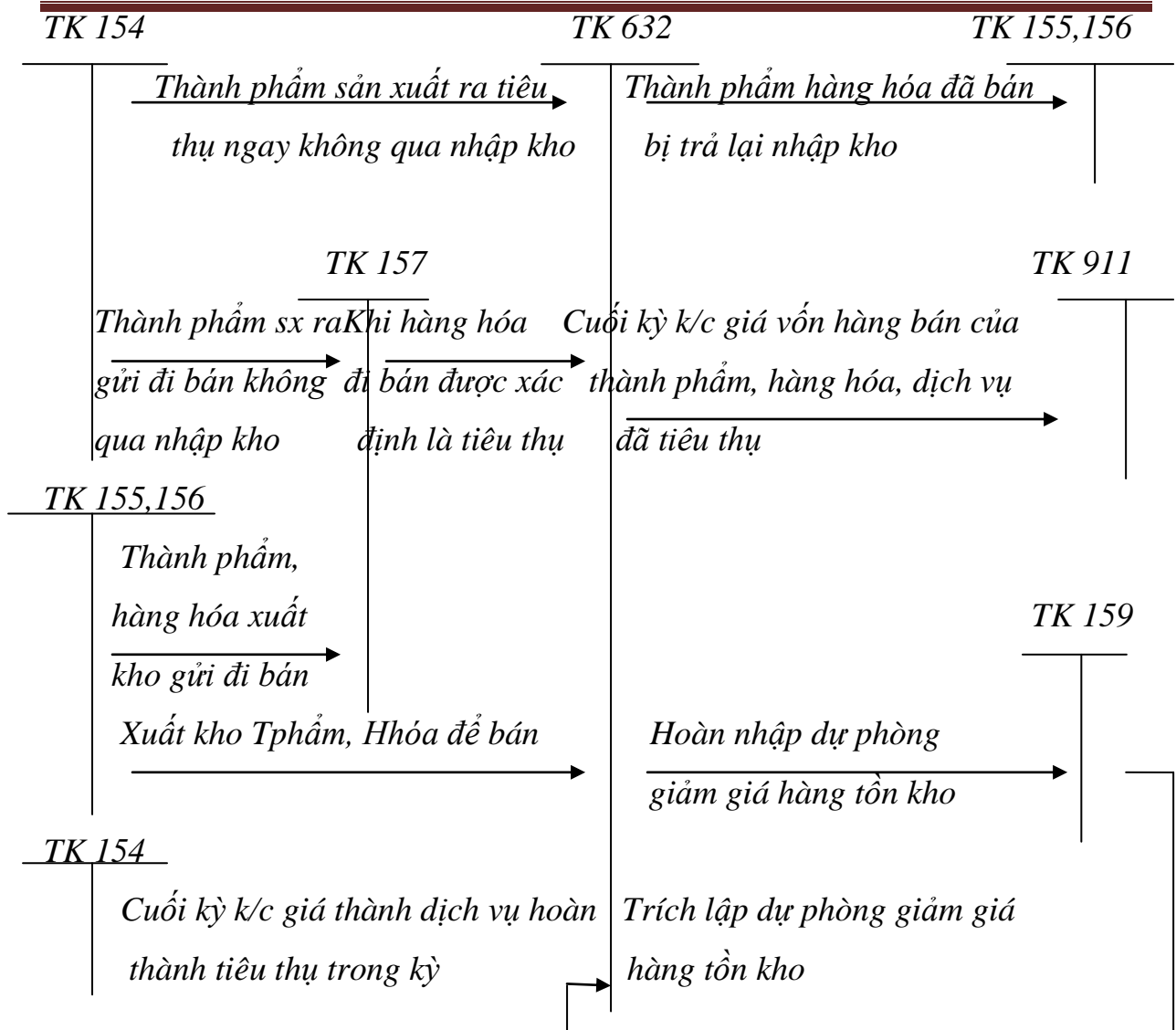
Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

- Giá vốn hàng bán là giá gốc của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho.
- Toàn bộ chi phí sản xuất được phản ánh qua tài khoản 621, 622, 627.

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào TK 154 để xác định giá vốn hàng bán.

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



✚ Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Phương pháp KKĐK là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập – xuất – tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp này phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng.

Xác định trị giá vốn xuất kho không căn cứ vào chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ

$$\begin{matrix} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ} \end{matrix}$$

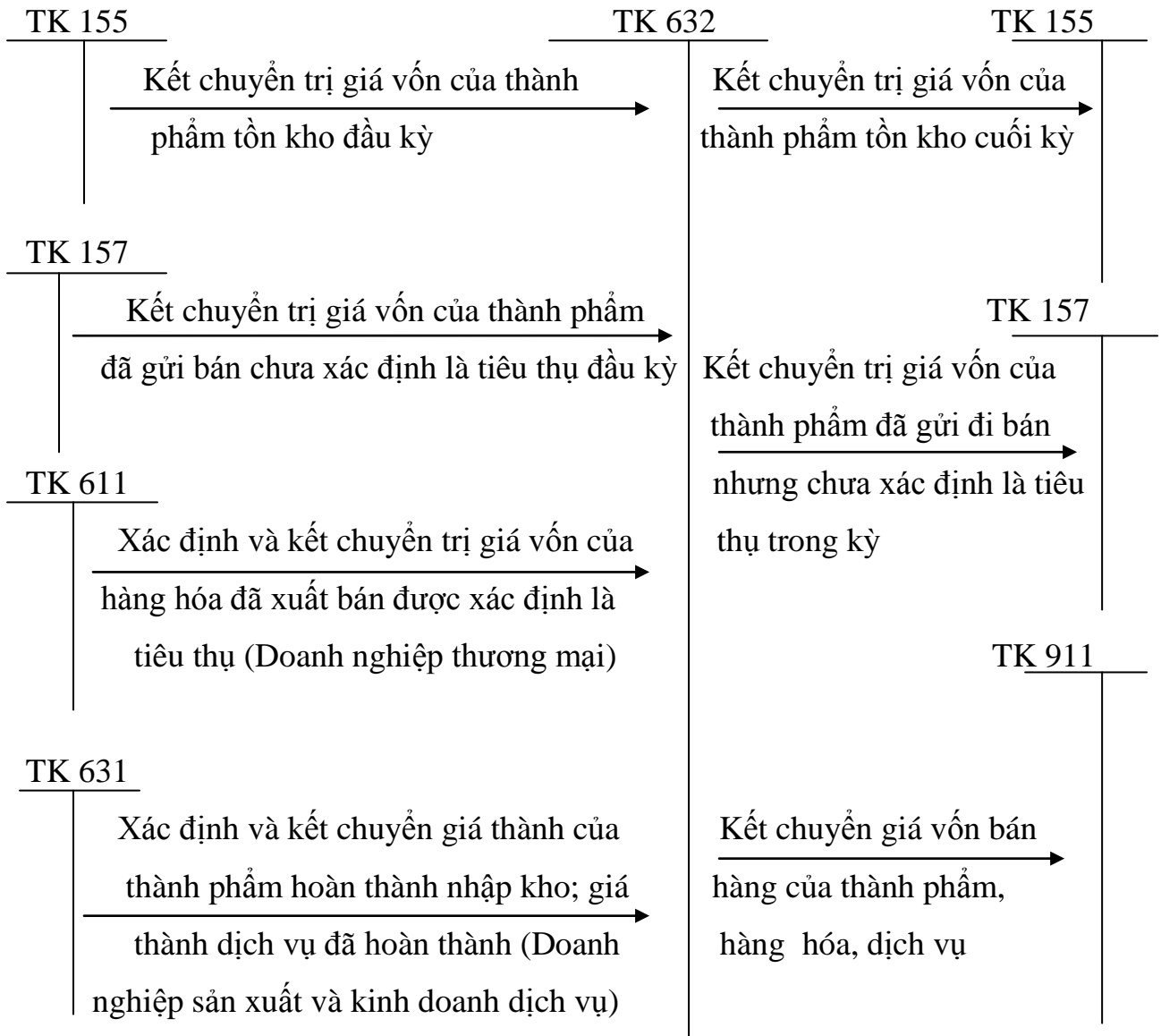
*Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá hàng xuất kho*

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

Trị giá vốn của hàng bán trong kỳ	=	Trị giá thực tế của hàng hóa tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá vốn của hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ	+	Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ	-	Trị giá vốn thực tế của hàng hóa tồn kho cuối kỳ	-	Trị giá vốn thực tế của hàng hóa gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ
-----------------------------------	---	---	---	--	---	--	---	--	---	---

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

❖ TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên
- TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 – Chi phí bảo hành
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tk 6418 – Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

➤ Bên nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

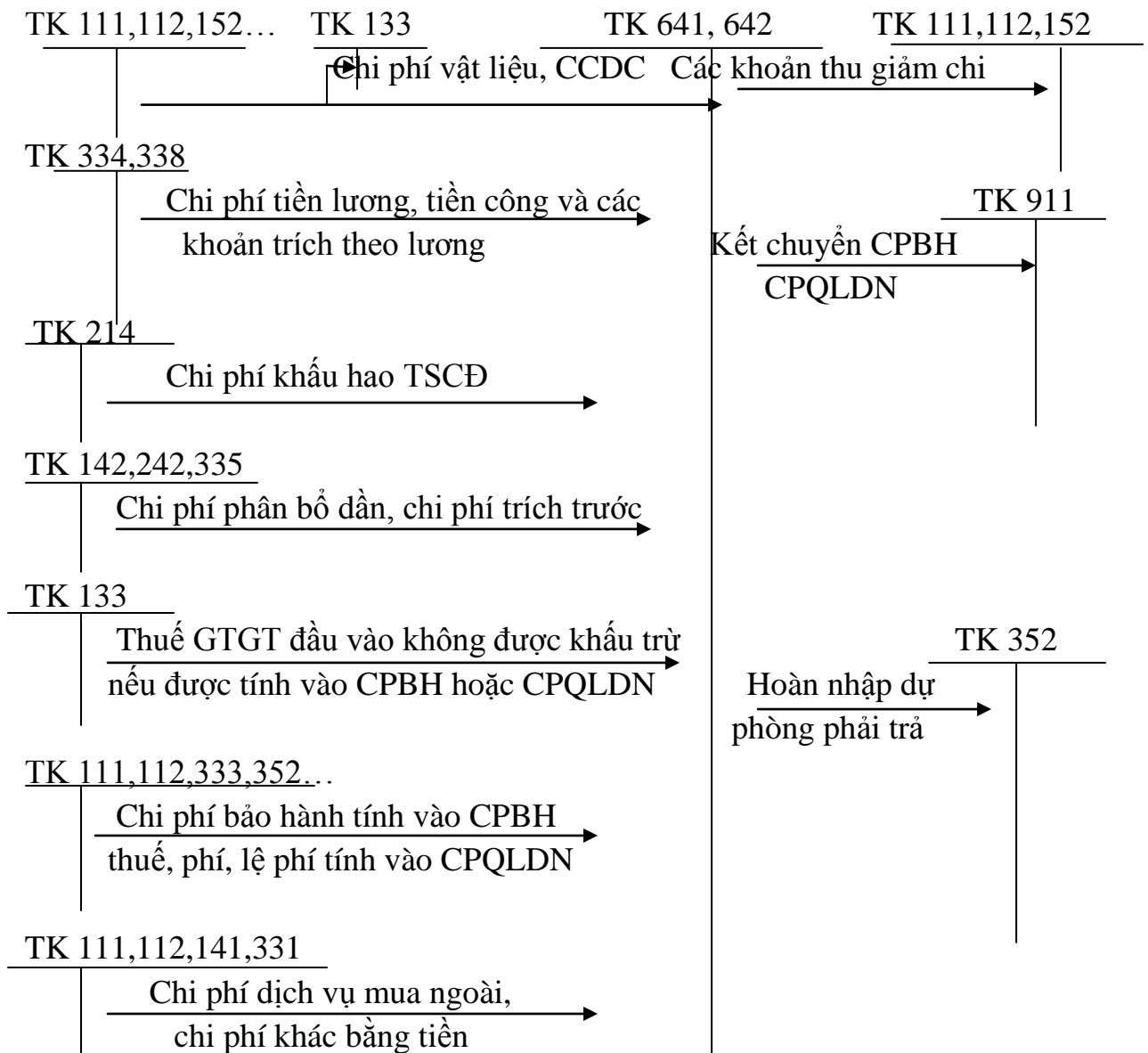
➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 – Chi phí dự phòng
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ 1.5



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

* Chứng từ sử dụng.

- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh.
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

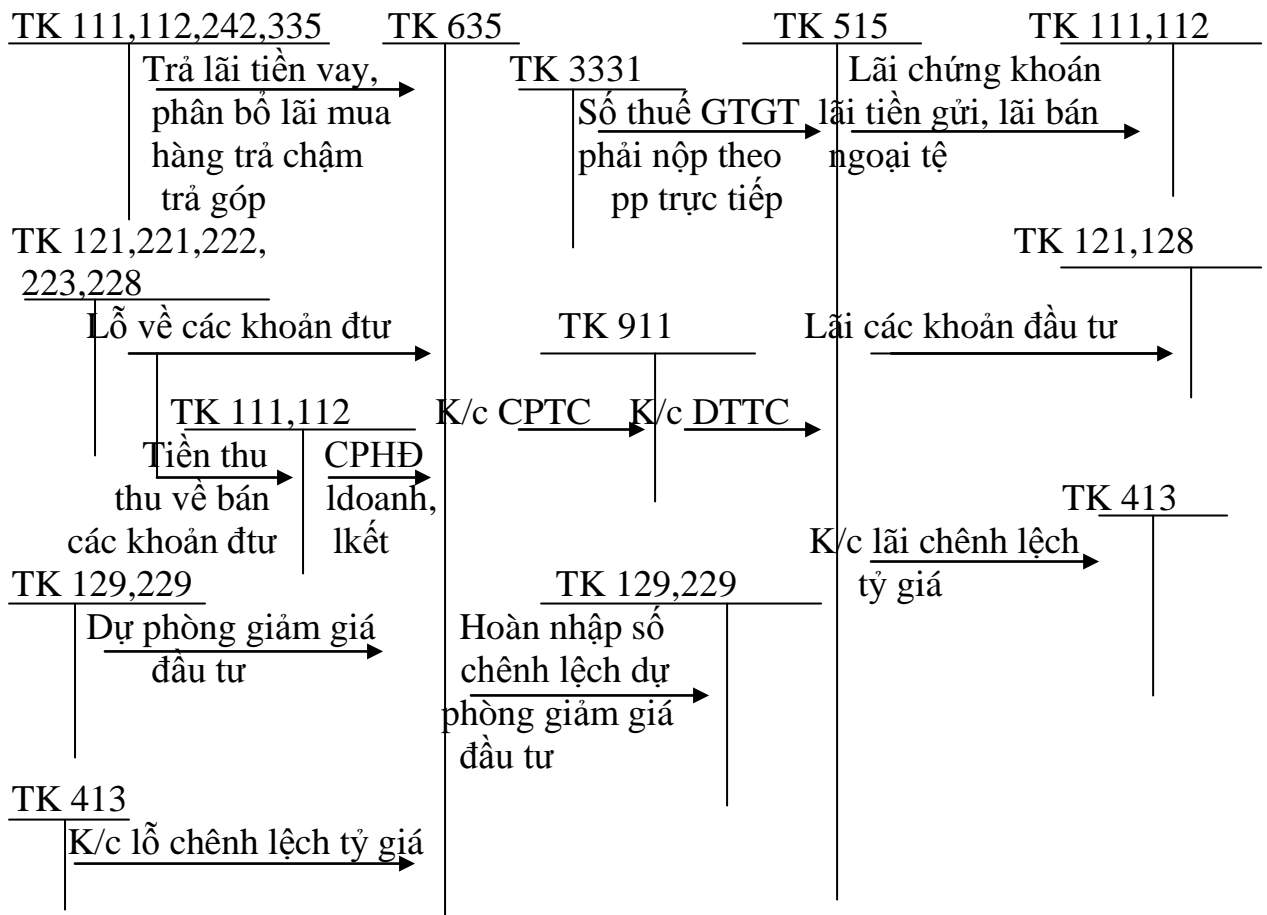
➤ Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.
 - Lỗ bán ngoại tệ.
 - Chiết khấu thanh toán cho người mua.
 - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
 - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư
- XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Bên có:
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6



1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

❖ TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

➤ Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

- Các khoản chi phí khác.

*** Chứng từ sử dụng.**

- Phiếu chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Tài khoản sử dụng.**

❖ TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên nợ:

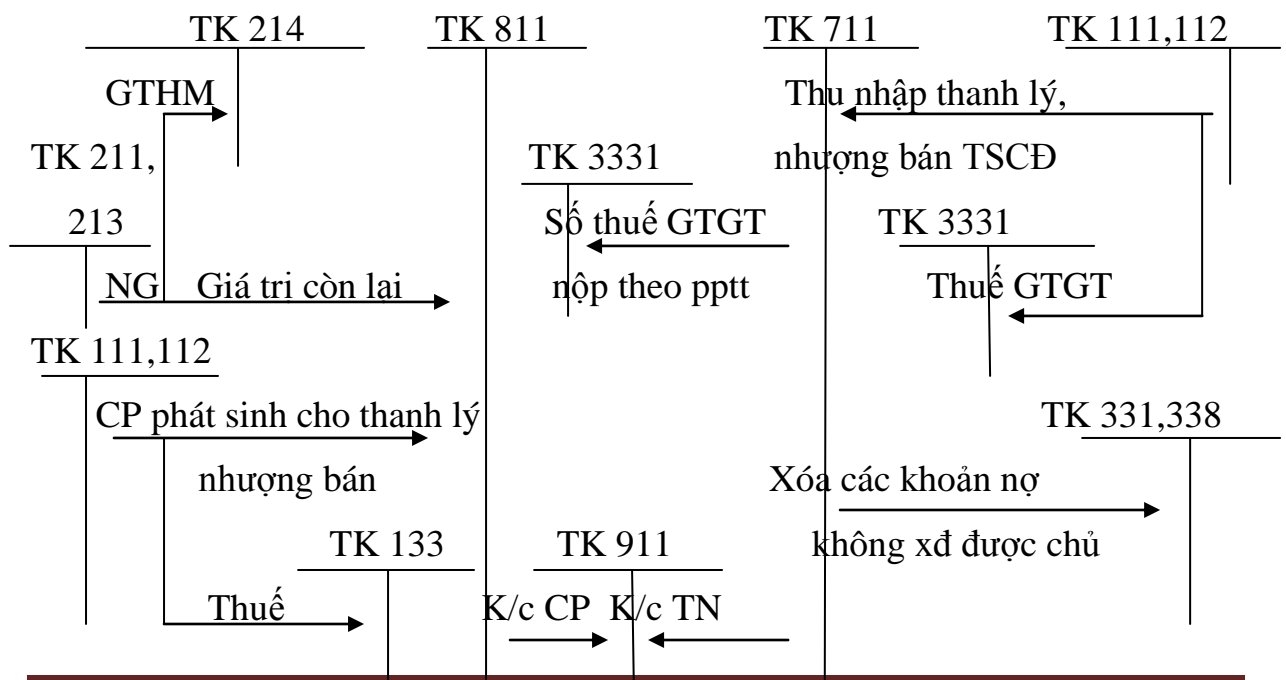
- Các khoản chi phí khác phát sinh.

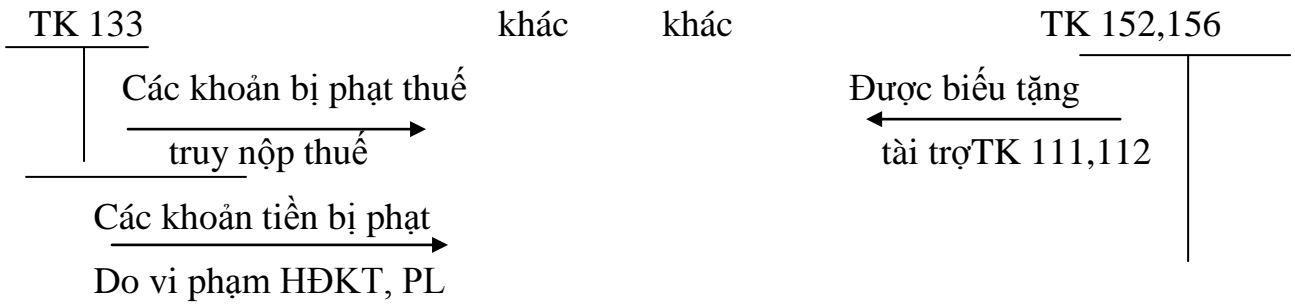
➤ Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí hoạt động khác

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.





1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

Lãi (lỗ) từ HĐSX KD	=	DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu HĐTC	-	Chi phí HĐTC	-	CPBH, CPQLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ
---------------------	---	-------------------------------------	---	------------------	---	----------------	---	--------------	---	--

Trong đó: DTT = tổng doanh thu bán hàng – các khoản giảm trừ .

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

Lãi (lỗ) hoạt động khác = Thu nhập khác – chi phí khác

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng**

❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi

➤ Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

❖ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

➤ Bên nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.

- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ Bên có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

➤ Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

➤ Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

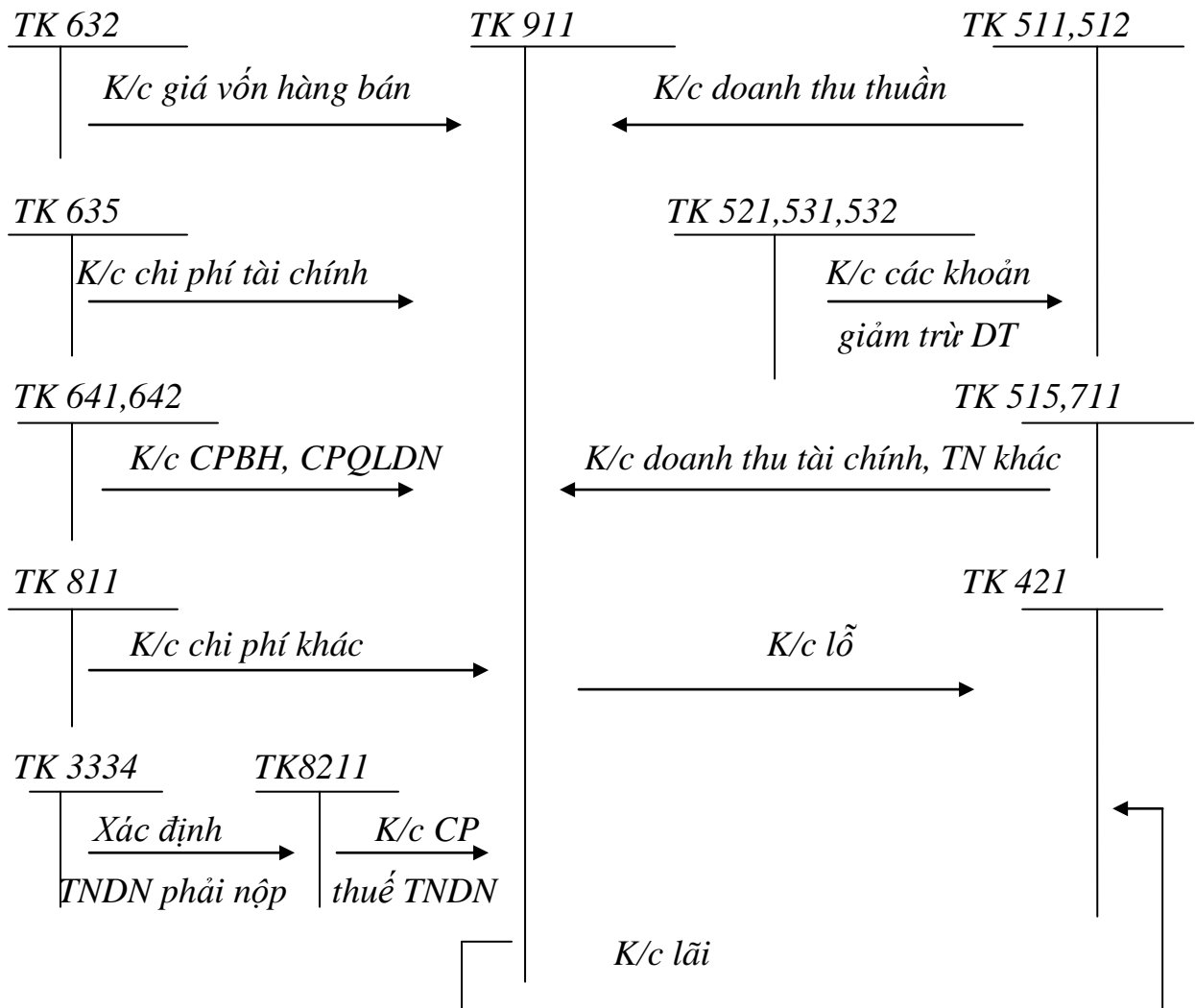
➤ Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.

- TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

*** Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.8



1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

1.3.1. Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái TK 511,512,515,632,641,642,635,711,811,911,421...
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ ghi vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức này gồm các loại sổ :

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.3. Hình thức Nhật ký chứng từ

Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Hình thức này gồm các sổ :

- Nhật ký chứng từ, bảng kê số 1,2,3,8...
- Sổ cái TK 511,512,515.632,641,642,635,711,811,911,421...
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.3.4. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- + Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm (theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức này bao gồm các sổ sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái TK 511,512,515,632,641,642,635,711,811,911,421...
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

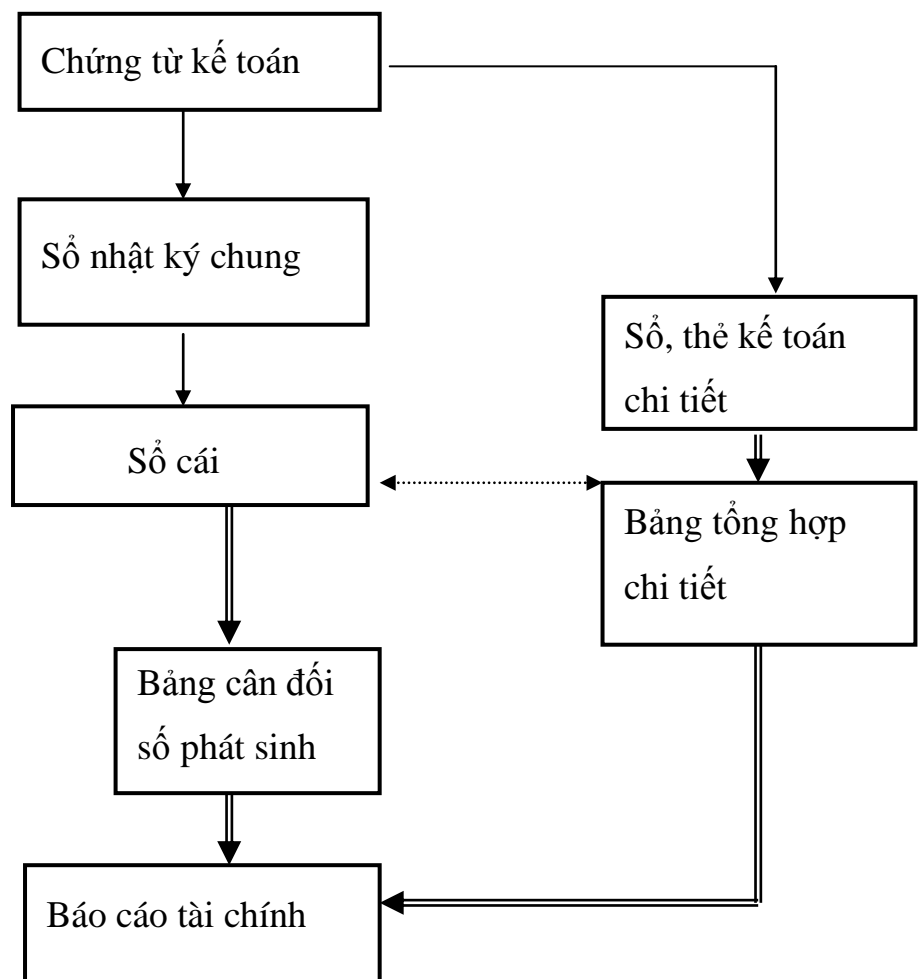
Đặc trưng cơ bản: Hình thức trên máy vi tính là việc kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính: Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Sau đây em xin trình bày khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Sơ đồ : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

Công ty được thành lập vào ngày 25 tháng 11 năm 2003 với giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202001565 do phòng Đăng ký kinh doanh của sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp với tên và trụ sở như sau:

- Tên công ty: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG.
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOAN THANG TRADING SERVICES COMPANY LIMITED.
- Tên giao dịch viết tắt: TOAN THANG TS CO.,LTD.
- Trụ sở Công ty: Thôn Mỹ Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, chịu sự quản lý của nhà nước về hoạt động kinh doanh thông qua sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng. Với các ngành nghề đăng ký kinh doanh đã đăng ký:

- Kinh doanh sắt, thép, vật liệu xây dựng, vật tư, phế liệu.
- Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ.
- Phá dỡ phương tiện vận tải thanh lý.
- Vận tải và dịch vụ vận tải hành khách thủy bộ.
- Khai thác, chế biến đất, đá, silic.

- Thu gom rác thải.
- Tái chế phế liệu.
- Xử lý và tiêu hủy rác thải.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty được thành lập bởi hai thành viên là Bà Phạm Thị Toan nguyên giám đốc công ty cùng thành viên là Ông Vũ Văn Thử.

Trong gần 10 năm đi vào hoạt động Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng đã thu được nhiều thành tựu đáng kể. Ban đầu Công ty chỉ nhận phân phối, phá dỡ, xử lý, tái chế... cho các đơn vị cá nhân hay những doanh nghiệp nhỏ trong phạm vi hẹp, nhưng đến nay Công ty đã có được một lượng khách hàng vô cùng đông đảo và rộng khắp không chỉ trong huyện Thủy Nguyên mà còn ở nhiều huyện khác và có rất nhiều tuyến hàng, vùng trọng điểm trên khắp địa bàn của thành phố Hải Phòng, công ty có nhiều bạn hàng lớn như: công ty đóng tàu phà rừng, nhà máy nhiệt điện, công ty đóng tàu nam triệu...

Các mặt hàng cũng như các loại hình dịch vụ của công ty cũng ngày càng đa dạng về chủng loại, mẫu mã và có chất lượng hơn. Cùng với sự gia tăng của chủng loại hàng hóa và sự mở rộng của thị trường thì doanh thu, cơ sở vật chất của Công ty cũng ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ, công ty đã mua sắm thêm nhiều trang thiết bị hiện đại, xây thêm kho bãi, phương tiện vận tải, mới phục vụ cho kinh doanh nhằm đưa Công ty phát triển mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

Số lao động qua các năm tăng lên đáng kể, từ con số 20 (người) năm 2003 đến năm 2012 đã tăng lên 80 (người) điều này chứng tỏ quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng là một công ty TNHH có hai thành viên trở lên và được thành lập căn cứ vào luật doanh nghiệp số

13/1999/QH10 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/6/1999 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Doanh nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh chính chủ lực của Công ty đó là kinh doanh các loại sắt thép xây dựng, thu mua các loại sắt phế. Tất cả những mặt hàng mà công ty cung cấp là những mặt có chất lượng cao, được sản xuất theo quy trình công nghệ hiện đại, đã được người tiêu dùng lựa chọn và ưa thích, có tính cạnh tranh cao về mẫu mã chủng loại cũng như về giá cả.

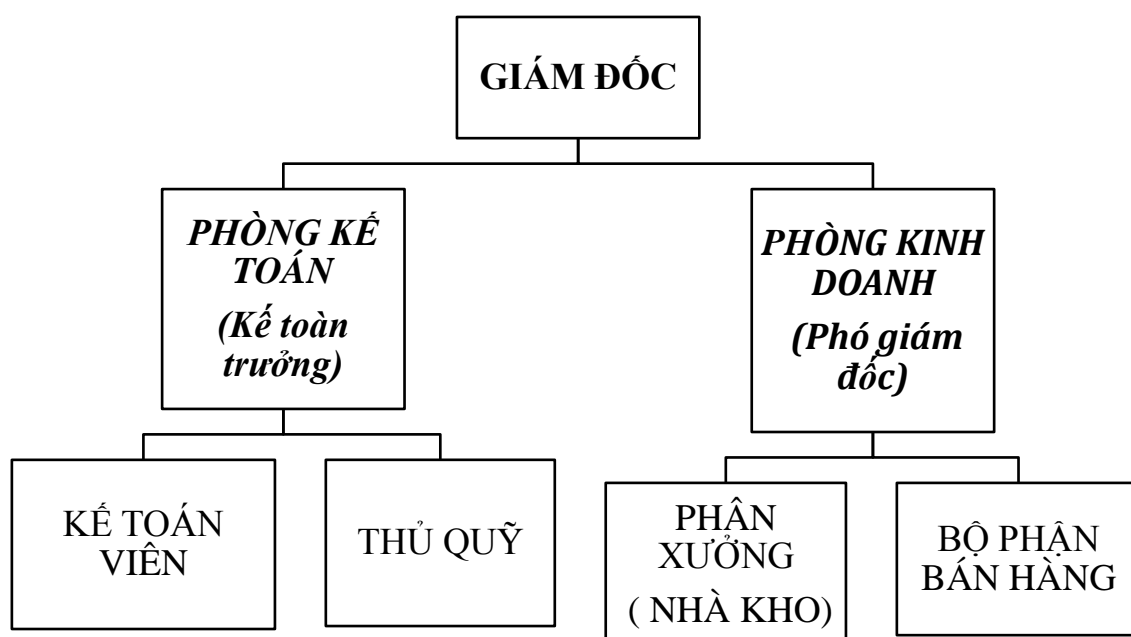
2.1.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty.

Đến thời điểm 31/12/2011 tổng số lao động của công ty là 80 người được cấu thành hai bộ phận như sau:

- Bộ phận quản lý: gồm có Ban giám đốc, phòng kế toán, phòng Kinh doanh.
- Bộ phận trực tiếp gồm: Bộ phận bán hàng, nhà kho (phân xưởng).

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được tổ chức và quản lý một cấp với mô hình trực tuyến chức năng. Trong đó Giám đốc công ty lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp. Giúp việc cho Giám đốc có các phòng chức năng được tổ chức để đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh và chịu sự lãnh đạo và sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng:



* Chức năng của từng bộ phận:

- **Giám đốc công ty:** Là người lãnh đạo cao nhất, có chức năng chỉ đạo toàn bộ hoạt động của công ty và các hoạt động khác theo đúng pháp luật của nhà nước, chịu trách nhiệm pháp nhân trước những mối làm ăn kinh tế và đưa ra các quyết định sống còn của công ty, đưa công ty tiến lên làm ăn có hiệu quả.

- **Phòng kế toán:** Chịu sự chỉ đạo của giám đốc Công ty, chính đội ngũ kế toán là cánh tay đắc lực cho sự cân nhắc hoạt động của công ty. Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác về sự biến động của nhân lực, vật tư tiền vốn, tính toán chi phí, kết quả lỗ lãi theo đúng quy định của chế độ kế toán thống kê của nhà nước.

Lập các kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, theo dõi tình hình biến động tăng giảm tài sản lên kế hoạch sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả. Theo dõi toàn bộ các hoạt động liên quan tới doanh thu, chi phí, phân phối thu nhập trong công ty và thực hiện nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước.

Thu nhập, phân loại xử lý tổng hợp số liệu thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho giám đốc Công ty và phòng

kinh doanh. Tổng hợp số liệu và lập báo cáo kế toán theo định kỳ báo cáo, thực hiện phân tích thông tin kế toán, cân đối lợi nhuận, đề xuất các biện pháp cho lãnh đạo công ty có đường lối phát triển đúng đắn, giúp giám đốc có quyết định kịp thời đạt hiệu quả cao nhất trong công tác điều hành và quản lý trong kinh doanh.

+) Kế toán trưởng:

Tổ chức công tác kế toán thống kê và bộ máy phù hợp với công tác tổ chức kinh doanh. Tổ chức ghi chép số liệu chính xác, kịp thời và đầy đủ. Toàn quyền phân công, chỉ đạo trực tiếp các nhân viên kế toán ở công ty. Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính trước ban giám đốc và cơ quan hữu sát. Lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+) Kế toán viên

Làm việc theo sự chỉ đạo của kế toán trưởng, ghi hóa đơn, chứng từ vào sổ sách chính xác và chân thực.

+) Thủ quỹ

Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời Thu – Chi – Tồn quỹ tiền mặt vào sổ quỹ, khi kế toán trưởng hoặc ban giám đốc yêu cầu thì phải báo cáo. Thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm quản lý tiền mặt

- Phòng kinh doanh: có vai trò khá quan trọng trong công ty, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng nghiên cứu và tìm kiếm thị trường, giới thiệu sản phẩm của công ty với các địa bàn kinh doanh nhằm bán được nhiều sản phẩm nhất, tối đa hóa thị trường tiêu thụ. Nắm bắt mọi thông tin về thị trường, về đối thủ cạnh tranh căn cứ vào số liệu phòng kế toán cung cấp về lượng hàng hóa tiêu thụ đưa ra các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn, chiến lược phát triển của công ty ở từng thời điểm khác nhau nhằm đem lại hiệu quả cao trong kinh doanh.

+) Phó giám đốc

Trợ giúp cho giám đốc, ra quyết định khi giám đốc đi vắng. Trực tiếp quản lý phân xưởng sản xuất và cửa hàng.

+) Nhà kho (phân xưởng)

Có nhiệm vụ chính là giao nhận kiểm tra, kiểm nghiệm hàng hóa và chuyển hàng.

+) Bộ phận bán hàng

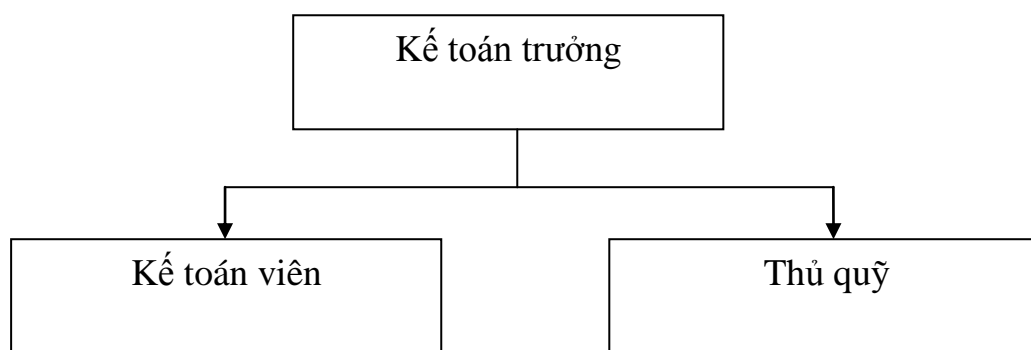
Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của phòng kinh doanh có nhiệm vụ chính là bán hàng, tìm kiếm, mở rộng thị trường, nâng cao doanh số tiêu thụ...

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng là công ty có quy mô vừa và nhỏ hoạt động trên địa bàn tập trung nên công ty tổ chức kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty, với quy mô tập trung công ty đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo kịp thời, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự điều hành chỉ đạo của giám đốc công ty với toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Bộ phận kế toán có 5 người gồm có 01 kế toán trưởng, 03 kế toán viên và 01 thủ quỹ. Mỗi bộ phận kế toán có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ của mình theo từng công việc đã nhận:

+) Kế toán trưởng:

Tổ chức công tác kế toán thống kê và bộ máy phù hợp với công tác tổ chức kinh doanh. Tổ chức ghi chép số liệu chính xác, kịp thời và đầy đủ. Toàn quyền phân công, chỉ đạo trực tiếp các nhân viên kế toán ở công ty. Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính trước ban giám đốc và cơ quan hữu sát. Lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

+) Kế toán viên

Làm việc theo sự chỉ đạo của kế toán trưởng, ghi hóa đơn, chứng từ vào sổ sách chính xác và chân thực

+) Thủ quỹ

Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời Thu – Chi – Tồn quỹ tiền mặt vào sổ quỹ, khi kế toán trưởng hoặc ban giám đốc yêu cầu thì phải báo cáo. Thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm quản lý tiền mặt

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Hiện tại Công ty đang áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính; Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ tài chính.

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Hiện nay Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam.

Căn cứ vào quy mô và đặc điểm kinh doanh Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

-Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ.

-Phương pháp đánh giá hàng xuất kho: Nhập trước – xuất trước.

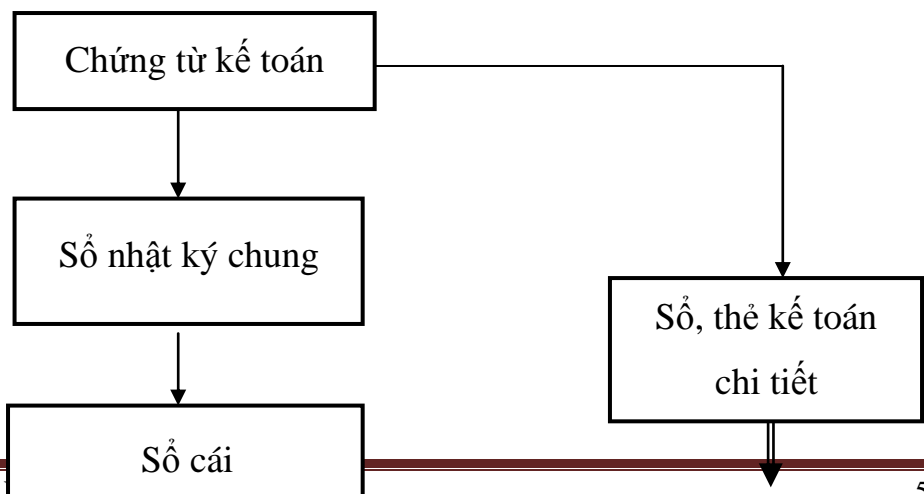
-Phương pháp trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng theo chế độ quản lý chế độ hiện hành.

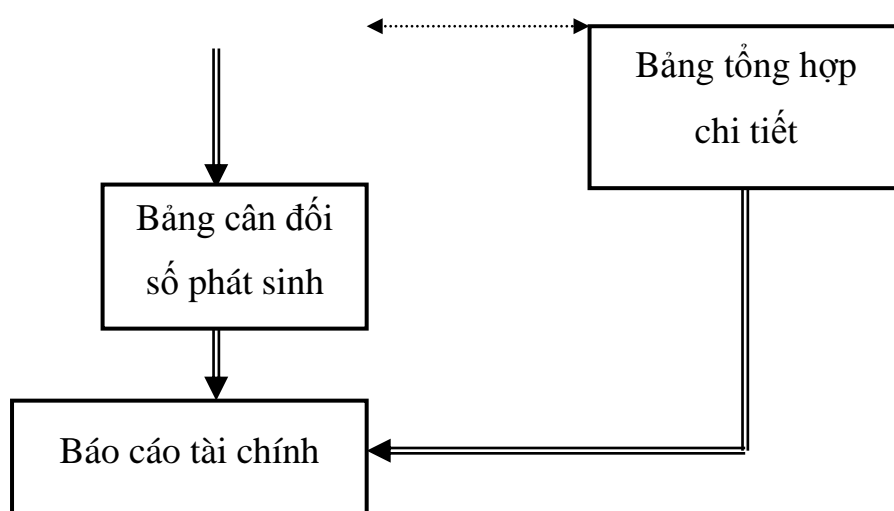
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng áp dụng chế độ kế toán Việt Nam. Áp dụng hệ thống chứng từ và hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Ban giám đốc tuân thủ đầy đủ các yêu cầu, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình lập báo cáo. Trình tự hạch toán hình thức nhật ký chung:

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG





Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

❖ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung: Sổ Nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian đồng thời phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi sổ cái.
- Sổ Cái là sổ phân loại các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng tài khoản.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết được dùng để theo dõi số liệu chi tiết của các đối tượng cần theo dõi chi tiết (nguyên vật liệu, phải thu khách hàng...)

❖ Quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ sách :

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái các tài khoản liên quan.
- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản.
- Cuối tháng (quý) tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.
- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng (quý) kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối tài khoản.
- Để đảm bảo tính chính xác số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.
- Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối tài khoản sổ cái, sổ và bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ bao gồm:

Bảng cân đối kế toán	Mẫu số: B01 - DNN
Báo cáo kết quả kinh doanh	Mẫu số: B02 - DNN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số: B03 - DNN
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	Mẫu số: B09 - DNN
Bảng cân đối tài khoản	Mẫu số: F01 - DNN

Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo bắt buộc gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng cân đối tài khoản.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

Ngành nghề kinh doanh chính chủ lực của Công ty đó là nhân phân phối các loại sản phẩm:

- Thép xây dựng, phôi thép thép inox, ống thép, thép phế liệu.
- Các loại tôn: tôn tấm, tôn mạ màu, tôn lợp...
- Sắt phế...

Tất cả các mặt hàng của công ty nhân phân phối đều là những mặt hàng có chất lượng cao được sản xuất theo quy trình công nghệ hiện đại, đã được người tiêu dùng lựa chọn và ưa thích, có tính cạnh tranh cao. Khẳng định thương hiệu trên thị trường.

Bên cạnh đó công ty còn cung cấp một số dịch vụ vận tải, thu gom rác thải, phá dỡ công trình dân dụng... có chất lượng cao đáp ứng được nhu cầu thị trường

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

* Công ty áp dụng 2 phương thức bán hàng sau:

- Bán buôn: Bán trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, cửa hàng kinh doanh, hàng hóa bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức bán buôn qua kho hoặc theo phương pháp giao hàng trực tiếp hay chuyển hàng theo đơn đặt hàng.

- Bán lẻ: Là phương thức bán hàng cho khách hàng theo giá bán lẻ tại các cửa hàng công ty. Công ty áp dụng hình thức bán lẻ trực tiếp.

* Phương thức thanh toán tại công ty:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt
- Thanh toán bằng chuyển khoản
- Thanh toán chậm: Việc giao hàng và thanh toán tiền hàng diễn ra vào khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH thương mại Toàn Thắng.

* Chứng từ sử dụng:

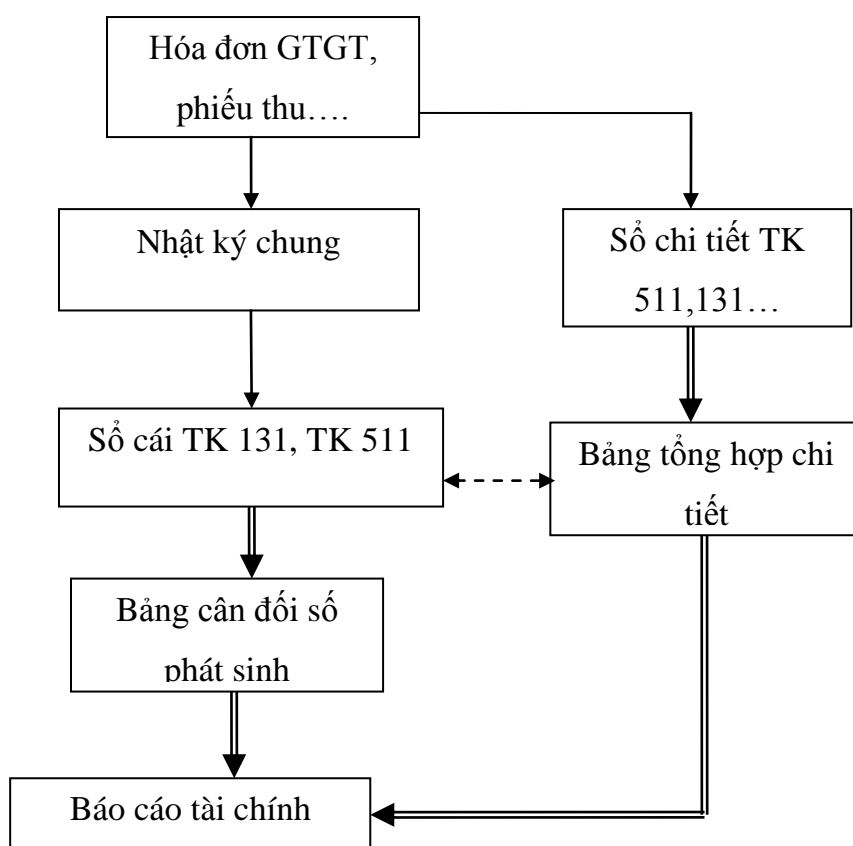
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu
- Phiếu xuất kho
- Các sổ chi tiết được sử dụng, sổ chi tiết phải thu của khách hàng
- Các chứng từ có liên quan khác...

* Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- +TK 51111: Doanh thu bán sắt phế, phế liệu
- +TK 51112: Doanh thu bán thép
- +TK 51113: Doanh thu bán tôn
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

Quy trình hạch toán: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện thông qua sơ đồ 2.4



Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH thương mại Toàn Thắng

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi theo tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Kiểm tra, đối chiếu

Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, phiếu xuất... kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái các tài khoản 511, 131...

Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết tài khoản 511, 131...

Cuối tháng (quý) tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết tài khoản 511, 131... làm căn cứ kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 511, 131...

Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng (quý) kế toán tiến hành cộng số liệu trên bảng cân đối số phát sinh.

Để đảm bảo tính chính xác số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái TK 131,511... và bảng tổng hợp 131,511...

Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối số phát sinh, sổ cái, sổ và bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản kế toán làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 10/9/2011 Nhà máy đóng tàu phà rừng mua 3 tấn sắt phế, giá bán 6.000.000đ/tấn, thuế VAT 10%, khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Dựa vào hóa đơn GTGT số 0054901 (biểu 2.1), kế toán tiến hành lập phiếu thu (biểu 2.2). Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu thu kế toán ghi vào Nhật ký chung (biểu 2.3) đồng thời kế toán phản ánh vào sổ chi tiết TK 511 (Biểu 2.4). Từ số liệu trên nhật ký chung, kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ cái TK 511 (biểu 2.6)
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết TK 511 kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết TK 511 (Biểu 2.5)

Biểu 2.1:

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 02 GTTT3/001												
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: 02AC/11P												
Liên 3: Nội bộ			Số: 0054901												
Ngày 10 tháng 9 năm 2011															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng															
Địa chỉ: Thôn Mỹ Sơn, Ngũ Lão, Thủy Nguyên, HP															
Số tài khoản:.....															
Điện thoại: 0313875413		MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> </tr> </table>		0	2	0	0	5	7	5	0	9	0
0	2	0	0	5	7	5	0	9	0						
Họ tên người mua hàng: Vũ Văn Thịnh															
Tên đơn vị: Nhà máy đóng tàu phà rừng															
Số tài khoản:.....															
Hình thức thanh toán: TM		MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">9</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> </tr> </table>		0	2	0	0	1	9	5	2	7	7
0	2	0	0	1	9	5	2	7	7						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2										
	Sắt phế	Tấn	3	6.000.000	18.000.000										
		Cộng tiền hàng:			18.000.000										
	Thuế suất 10%	Tiền thuế GTGT:			1.800.000										
		Tổng cộng tiền thanh toán:			19.800.000										
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng/.															
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị											
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)															

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG
THÔN MỸ SƠN, NGŨ LÃO, TN,HP

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Biểu 2.2:

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 9 năm 2011

Quyển số:

Số:556

Nợ 1111: 19.800.000

Có 511: 18.000.000

Có 3331: 1.800.000

Họ tên người nộp tiền: Vũ Văn Thịnh

Địa chỉ: Nhà máy đóng tàu phà rừng

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 19.800.000 VND (viết bằng chữ) Mười chín triệu tám trăm nghìn
đồng chẵn.

Kèm theo:Chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 9 năm 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

NHẬT KÝ CHUNG

Quý III Năm 2011

Đvt: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số trang trước mang sang		<u>101.143.567.780</u>	<u>101.143.567.780</u>
...
PC478	3/9	Trả tiền mua giấy in	642	1.081.800	
			133	108.200	
			111		1.190.000
PC479	3/9	Trả tiền mua dầu	331	1.600.000	
			111		1.600.000
HĐ 0054889	3/9	Thu tiền bán sắt phế	111	5.005.000	
			5111		4.550.000
			3331		455.000
PX704	3/9	Giá vốn sắt phế	632	4.150.000	
			156		4.150.000
PN626	4/9	Nhập kho sắt phế của công ty vipco Hạ Long	156	14.000.000	
			133	1.400.000	
			111		15.400.00
.....
HĐ 0054901	10/9	Doanh thu bán sắt phế cho Nhà máy đóng tàu phà rừng	111	19.800.000	
			5111		18.000.000
			3331		1.800.000
.....
		Cộng cuối quý		<u>171.312.647.255</u>	<u>171.312.647.255</u>

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Biểu 2.4:

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 51111 – Doanh thu bán sắt phế

Quý III/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...		
1/9	HĐ054887	1/9	Doanh thu bán sắt phế	112	12	4.950.000		59.400.000
3/9	HĐ054888	3/9	Doanh thu bán sắt phế	112	17	5.005.000		85.085.000
3/9	HĐ054889	3/9	Doanh thu bán sắt phế	111	1	5.005.000		5.005.000
...		
10/9	HĐ054901	10/9	Doanh thu bán sắt phế	111	3	6.000.000		18.000.000
...		
30/9	PKT45	30/9	K/c doanh thu bán sắt phế	911			12.356.050.00	
			Cộng phát sinh				12.356.050.00	12.356.050.00

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.5:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quý III/2011

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51111	Doanh thu bán phế liệu	12.356.050.000	12.356.050.000	
2	51112	Doanh thu bán thép	2.427.485.000	2.427.485.000	
3	51113	Doanh thu bán tôn	968.320.000	968.320.000	
4	5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	572.257.500	572.257.500	
		Cộng	16.324.112.500	16.324.112.500	

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.6

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
 TOÀN THẮNG**

**M ẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Quý III/2011

Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)

Chứng từ		Nội dung	TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
HD0054889	3/9	Thu tiền bán sắt phế cho công ty TNHH Tiến Đạt	111		4.550.000
.....
HD0054900	9/9	Dịch vụ phá dỡ phương tiện vận cho nhà máy nhiệt điện	112		34.100.000
HD0054901	10/9	Doanh thu bán sắt phế cho Nhà máy đóng tàu phà rừng	111		18.000.000
....
HD0054932	18/9	Doanh thu bán tôn hai mái cột b76 kèo V40*40 xà gỗ hộp 40*40. Tôn liên doanh 0.35	111		5.120.000
				
PKT45	30/9	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	16.324.112.500	
		<u>Cộng phát sinh</u>		<u>16.324.112.500</u>	<u>16.324.112.500</u>
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

* Nội dung giá vốn của công ty

+ Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm giá mua toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua.

+ Giá vốn của hàng bán được xác định theo phương pháp *nhập trước - xuất trước*. Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo *phương pháp kê khai thường xuyên*.

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{hàng nhập} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

* Chứng từ và tài khoản sử dụng.

❖ Chứng từ sử dụng:

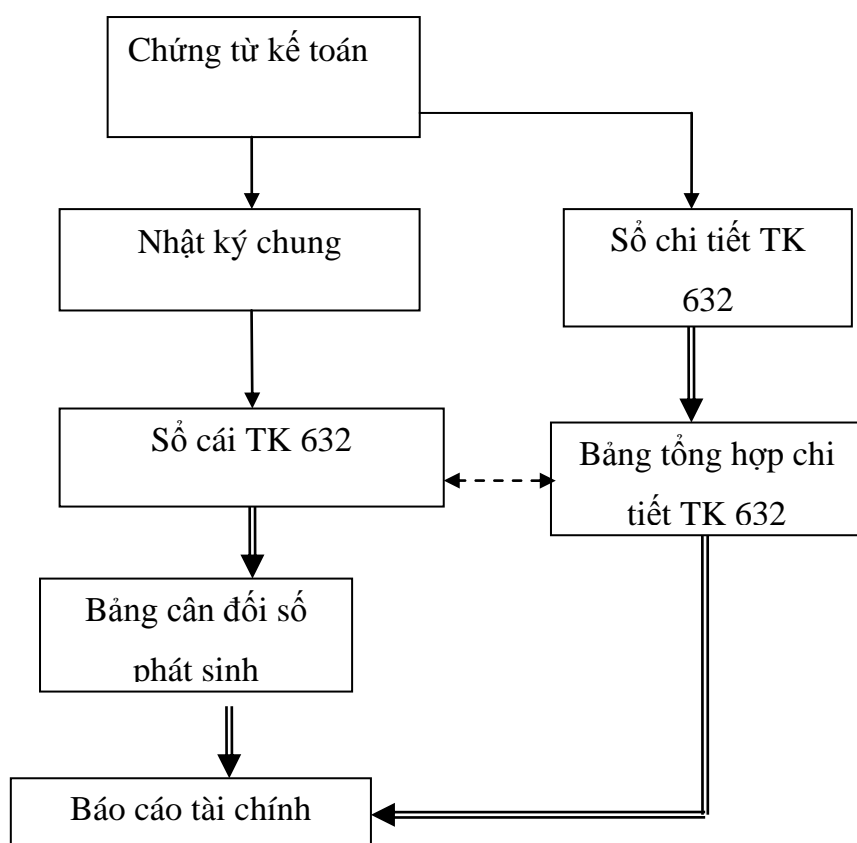
- Phiếu nhập kho, xuất kho
- Hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 632 – Giá vốn hàng bán

* Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được khái quát bằng sơ đồ 2.5



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, phiếu xuất... kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái tài khoản 632

Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết tài khoản 632

Cuối tháng (quý) tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết tài khoản 632 làm căn cứ kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 632

Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng (quý) kế toán tiến hành cộng số liệu trên bảng cân đối số phát sinh.

Để đảm bảo tính chính xác số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái TK 632 và bảng tổng hợp 632

Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối số phát sinh, sổ cái, sổ và bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản kế toán làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2:

Lấy tiếp ví dụ phần doanh thu bán hàng: Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng cho công ty, kế toán phản ánh giá vốn của sắt phế là 5.300.000đ/tấn.

Trong tháng công ty đã thu mua 6,7 tấn sắt phế với giá 5.500.000đ/tấn. Ngày 9/ 9/2011 công ty còn tồn 4,5 tấn sắt phế với giá nhập 5.300.000đ/tấn do mua từ tháng trước. Áp dụng phương pháp xuất kho nhập trước xuất trước mà công ty sử dụng thì đơn giá xuất kho của lô hàng này là 5.300.000đ/tấn.

- Căn cứ vào hóa đơn giá trị giá tăng kế toán viết phiếu xuất kho (Biểu 2.7)
- Từ phiếu xuất kho kết toán vào nhật ký chung (Biểu 2.8) đồng thời kế toán vào sổ chi tiết TK 632 (Biểu 2.9)
- Từ số liệu trên nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 632 (Biểu 2.11)
- Cuối kỳ từ sổ chi tiết TK 632 vào bảng tổng hợp chi tiết TK 632 (Biểu 2.10)

Biểu 2.7:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG
THÔN MỸ SƠN, NGŨ LÃO, TN, HP

Mẫu số : 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 9 năm 2011

Số: 716

Họ tên Người nhận: Trần Xuân Bách

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất tại kho: Số 2

Địa điểm: Thôn mỹ sơn, ngũ lão, TN, HP

STT	Tên nhãn hàng, qui cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Sắt phế		Tấn	3	3	5.300.000	15.900.000
	Cộng						15.900.000

Cộng số tiền (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo:01.....

Ngày 10 tháng 9 năm 2011

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.8:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

NHẬT KÝ CHUNG

Quý III Năm 2011

Đvt: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số trang trước mang sang		101.143.567.780	101.143.567.780
...
PC478	3/9	Trả tiền mua giấy in	642	1.081.800	
			133	108.200	
			111		1.190.000
PC479	3/9	Trả tiền mua dầu	331	1.600.000	
			111		1.600.000
HĐ 0054889	3/9	Thu tiền bán sắt phế	111	5.005.000	
			5111		4.550.000
			3331		455.000
PX704	3/9	Giá vốn sắt phế	632	4.150.000	
			156		4.150.000
PN626	4/9	Nhập kho sắt phế của công ty vipco Hạ Long	156	14.000.000	
			133	1.400.000	
			111		15.400.00
.....
PX716	10/9	Giá vốn sắt phế cho Nhà máy đóng tàu phà rừng	632	15.900.000	
			156		15.900.000
.....
		Cộng cuối quý		171.312.647.255	171.312.647.255

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**M ẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

Biểu 2.9:

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6321 – Giá vốn sắt phế

Quý III/2011

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
...		
1/9	PX702	1/9	Giá vốn sắt phế	156	12	4.050.000		48.600.000
3/9	PX703	3/9	Giá vốn sắt phế	156	17	4.150.000		70.550.000
3/9	PX704	3/9	Giá vốn sắt phế	156	1	4.150.000		4.150.000
...		
10/9	PX716	10/9	Giá vốn sắt phế	156	3	5.300.000		15.900.000
...		
30/9	K/C	30/9	K/c giá vốn sắt phế	911			11.244.005.500	
			Cộng phát sinh				11.244.005.500	11.244.005.500

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

Biểu 2.10:

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra

Quý III/2011

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	6321	Giá vốn phế liệu	11.244.005.500	11.244.005.500	
2	6322	Giá vốn thép	2.063.362.250	2.063.362.250	
3	6323	Giá vốn bán tôn	774.656.000	774.656.000	
4	6324	Giá vốn dịch vụ	374.766.750	374.766.750	
		Cộng	14.456.790.500	14.456.790.500	

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Biểu 2.11:

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)

Chứng từ		Nội dung	TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
PX704	3/9	Giá vốn sắt phế	156		4.150.000
PX707	5/9	Bán tôn tấm cho công ty TNHH Tiến Đạt	156		28.500.000

PX716	10/9	Giá vốn sắt phế bán	156		15.900.000
....
PX742	18/9	Giá vốn tôn hai mái cột p76 kèo V40*40 xà gỗ hộp 40*40. Tôn liên doanh 0.35	156		4.640.00
.....
KC	30/9	Kết chuyển giá vốn	911	14.456.790.500	
		<u>Công phát sinh</u>		<u>14.456.790.500</u>	<u>14.456.790.500</u>
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

* Chi phí bán hàng

❖ Nội dung của chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác.

❖ Chứng từ và tài khoản sử dụng

✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

- TK 641 – Chi phí bán hàng

* Chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp dù cao hay thấp đều ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp để góp phần làm tăng lợi nhuận.

❖ Chứng từ và tài khoản sử dụng

✚ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

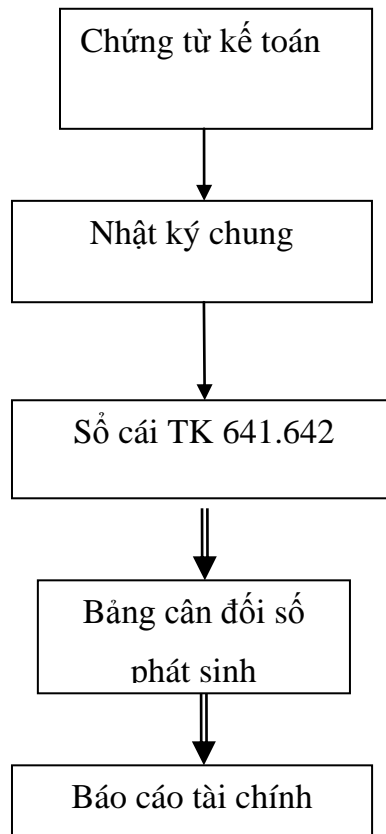
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

* Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được khái quát bằng sơ đồ 2.6



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào các phiếu kế toán... kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên nhật ký

chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái tài khoản 641,642

Từ số liệu trên sổ cái TK kế toán vào bảng cân đối số phát sinh cuối tháng (định kỳ)

Tại thời điểm cuối tháng (quý) kế toán tiến hành cộng số liệu trên bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối số phát sinh, sổ cái các tài khoản kế toán làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 3:

Bảng tính và thanh toán lương tháng 9/2011 của công ty:

<i>Lương phải trả công nhân viên bán hàng :</i>	<i>182.200.000 đ</i>
<i>Lương phải trả công nhân viên quản lý:</i>	<i>33.400.000 đ</i>
<i>Các khoản trích trừ vào lương (8,5%) :</i>	<i>18.326.000 đ</i>
<i>Các khoản trích tính vào chi phí (22%) :</i>	<i>47.432.000 đ</i>

Ngày 30/9/2011 thanh toán lương T9/2011 cho cnv công ty là 197.274.000 đ

- Bảng chấm công (Biểu 2.12)
- Bảng thanh toán tiền lương (Biểu 2.13)

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương kế toán viết phiếu kế toán số 42 (Biểu 2.14). Từ số liệu trên phiếu kế toán vào Nhật ký chung (Biểu 2.15).

Căn cứ số liệu trên nhật ký chung vào Sổ cái TK 641 (Biểu 2.16) Sổ cái TK 642 (Biểu 2.17)

Biểu 2.12:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG
THÔN MỸ SON, NGŨ LÃO, TN,HP**

**BẢNG CHẤM CÔNG
THÁNG 9 NĂM 2011**

ST T	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	NGÀY TRONG THÁNG																															CHL	Cộng BHXH
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
	Mã phòng ban		Văn phòng																																
1	Phạm Thị Toan	GD	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26		
2	Vũ Văn Thử	PGD	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
3	Phạm Thị Hòa	KTT	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
4	Nguyễn Thị Thủy	TQ	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
5	Lê Huyền Trang	KTV	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
6	Phạm Ngọc Mai	KTV	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
7	Vũ Thị Phương	KTV	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
	Mã phòng ban		Phân xưởng(nhà kho)																																
8	Nguyễn Văn Thắng	QL	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
9	Nguyễn Văn Việt	BV	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
10	Trần Văn Hải	BV	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x		26			
																																		
	Cộng																																		

Người chấm công

Ký hiệu chấm

Phụ trách bộ phận

x:luong thời gian(cả ngày)

Người duyệt

k:không làm

Biểu 2.13:

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 11 Năm 2011

ST T	Họ và tên	Bậc lương	Hệ số	Lương thời gian		Nghỉ việc, ngừng việc hưởng ...% lương		Phụ cấp thuộc quỹ lương	Phụ cấp khác	Tổng số	Tạm ứng kỳ I	Các khoản phải khấu trừ vào lương			Kỳ II được lĩnh	
				Số công	Số tiền	Số công	Số tiền					BH	Thuế TNCN phải nộp	Cộng	Số tiền	Ký nhận
1	Phạm Thị Toan			26	4.500.000					4.500.000		382.500			4.117.500	
2	Vũ Văn Thử			26	4.000.000					4.000.000		340.000			3.660.000	
3	Nguyễn Thị Thủy			26	3.500.000					3.500.000		297.500			3.202.500	
4	Phạm Thị Hòa			26	3.500.000					3.500.000		297.500			3.202.500	
5	Lê Huyền Trang			26	3.200.000					3.200.000		272.000			2.928.000	
	
	Cộng BPQLDN				33.400.000					33.400.000		2.389.000			30.561.000	
11	Phạm Văn Tùng			26	2.500.000					2.500.000		212.500			2.287.500	
12	Ngô Văn Quang			26	2.500.000					2.500.000		212.500			2.287.500	
															
	Cộng BP BH				182.200.000					182.200.000		15.487.000			166.713.000	
	Tổng công				215.600.000					215.600.000		18.326.000			197.274.00	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai chín triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn.

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Số 42

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Lương nhân viên bán hàng	641		182.200.000	
Lương nhân viên QLDN	642		33.400.000	
Tổng lương	334			215.600.000
Cộng tổng			215.600.000	215.600.000

Bằng chữ: hai trăm mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.15:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

NHẬT KÝ CHUNG

Quý III Năm 2011

Đvt: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số trang trước mang sang		<u>101.143.567.780</u>	<u>101.143.567.780</u>
...
PC478	3/9	Trả tiền mua giấy in	642	1.081.800	
			133	108.200	
			111		1.190.000
PC479	3/9	Trả tiền mua dầu	331	1.600.000	
			111		1.600.000
HD 0054889	3/9	Thu tiền bán sắt phế	111	5.005.000	
			5111		4.550.000
			3331		455.000
PX704	3/9	Giá vốn sắt phế	632	4.150.000	
			156		4.150.000
.....	
PKT42	30/9	Tính tiền lương tháng 9	641	182.200.000	
			642	33.400.000	
			334		215.600.000
PKT43	30/9	Các khoản trích theo lương	334	18.326.000	
			641	40.084.000	
			642	7.348.000	
			338		65.758.000
.....	
		Cộng cuối quý		<u>171.312.647.255</u>	<u>171.312.647.255</u>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.16:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 641 (Chi phí hàng bán)

Chứng từ		Nội dung	TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
PKT42	30/9	Tính lương phải trả cho cnv bán hàng	334	182.200.000	
PKT43	30/9	Các khoản trích theo lương	338	40.084.000	
PKT44	30/9	Khấu hao TSCĐ	214	98.298.265	
....
PKT46	30/9	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		966.478.760
		Cộng phát sinh		966.478.760	966.478.760
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám Đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.17:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 642 (Chi phí QLDN)

Chứng từ		Nội dung	TK Đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
....
PC478	3/9	Chi mua giấy in	111	1.082.000	
PKT42	30/9	Tính lương phải trả cho cnv QLDN	334	33.400.000	
PKT43	30/9	Các khoản trích theo lương	338	7.348.000	
....
PKT46	30/9	Kết chuyển chi phí QLDN	911		344.678.265
		Cộng phát sinh		344.678.265	344.678.265
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám Đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

*** Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi ngân hàng

Chi phí hoạt động tài chính do phải trả cho các khoản nợ vay

Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng**

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính

*** Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

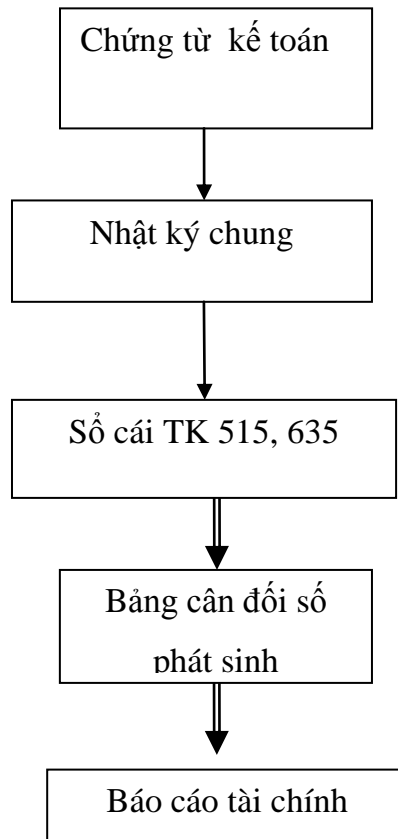
Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.7

Hàng ngày căn cứ vào các phiếu kế toán... kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái tài khoản 515, 635

Từ số liệu trên sổ cái TK kế toán vào bảng cân đối số phát sinh cuối tháng (định kỳ)

Tại thời điểm cuối tháng (quý) kế toán tiến hành cộng số liệu trên bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối số phát sinh, sổ cái các tài khoản kế toán làm căn cứ lập báo cáo tài chính.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Ví dụ 4:

Ngày 19/9 ngân hàng vietcombank thông báo nhận lãi tiền gửi tháng 8/2011 số tiền là 1.346.620

Ví dụ 5:

Ngày 28/9/2011 công ty trả lãi vay cho ngân hàng EximBank tháng 9 năm 2011 số tiền là 17.650.000

- Giấy báo có (Biểu 2.18)
- Phiếu nộp tiền (Biểu 2.20)

- Phiếu chi (Biểu 2.19)

Căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh kế toán ghi vào:

- Nhật ký chung (Biểu 2.21)
- Sổ cái TK 515 (Biểu 2.22)
- Sổ cái TK 635 (Biểu 2.23)

Biểu 2.18:

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã GDV: BVTCH

VIETCOMBANK

Mã KH: 10366

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 19/9/2011

Kính gửi: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 005075399

Số tiền bằng số: 1.346.620

Số tiền bằng chữ: Một triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi hàng tháng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

Biểu 2.19:

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 9 năm 2011

Quyển số:

Số:515

Nợ 635:

Có 111:

Họ tên người nhận tiền: Phạm Thị Hòa

Địa chỉ: Núi đèo – TN - HP

Lý do chi: Trả tiền lãi

Số tiền: 17.650.000 VND (viết bằng chữ) Mười bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Kèm theo:Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Ngày 28 tháng 9 năm 2011

Giám đốc	Kế toán	Người nhận	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	tiền (Ký, họ tên)	phiếu (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Vietnam EximBank)

LIÊN 1

Hội sở/Chi nhánh (HO/Branch): EIB HAI PHONG

Biểu 20:

PHIẾU NỘP TIỀN

APPLICATION FOR DEPOSIT

Tên khách hàng (Customer name): PHAM THI HOA Ngày(Created Date):28/9/2011

Địa chỉ (Address): NUI DEO, THUY NGUYEN, HP Ngày(Value Date):28/9/2011

Nộp cho đơn vị/cá nhân (Deposit in cash for): CONG TY TNHH TMDV TOAN THANG

CMND/ Passport: 031270499

NỘI DUNG (DESCRIPTION)		NOP TKCN	
TÀI KHOẢN(A/C NO)	160314849117235	Loại tiền gửi (Deposit Type)	TG KKH CN TR/NUOC
CHI TIẾT(ITEM)	SỐ TIỀN (AMOUNT)		GHI CHÚ (REMARK)
Cash	VND	17.650.000	
Tổng số (Total)	VND	17.650.000	

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười bảy triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn.

Khách hàng

Thủ quỹ

Kiểm soát

Biểu 2.21:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

NHẬT KÝ CHUNG

Quý III Năm 2011

Đvt: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số trang trước mang sang		101.143.567.780	101.143.567.780
...
PC478	3/9	Trả tiền mua giấy in	642	1.081.800	
			133	108.200	
			111		1.190.000
PC479	3/9	Trả tiền mua dầu	331	1.600.000	
			111		1.600.000
HĐ 0054889	3/9	Thu tiền bán sắt phế	111	5.005.000	
			5111		4.550.000
			3331		455.000
PX704	3/9	Giá vốn sắt phế	632	4.150.000	
			156		4.150.000
				
GBC09802	19/9	Lãi tiền gửi ngân hàng	112	1.346.620	
			515		1.346.620
.....
PC515	28/9	Trả lãi vay ngân hàng	635	17.650.000	
			111		17.650.000
.....
		Cộng cuối quý		171.312.647.255	171.312.647.255

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.22:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)

Chứng từ		Nội dung	TK Đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
GBC09802	19/9	Lãi tiền gửi ngân hàng vietcombank	112		1.346.620

GBC9675	26/9	Lãi tiền gửi ngân hàng viettinbank	112		136.455
PKT45	30/9	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	8.567.785	
		Cộng phát sinh		8.567.785	8.567.785
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám Đốc

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.23:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 635 (Chi phí hoạt động tài chính)

Chứng từ		Nội dung	TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
PC515	28/9	Trả tiền lãi	111	17.650.000	

GNT	30/9	Phí nộp tiền tại ngân hàng sacombank	111	21.000	
PKT46	30/9	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		126.790.855
		Cộng phát sinh		126.790.855	126.790.855
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

*** Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác**

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu trên. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như doanh thu khác chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

*** Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

❖ Chứng từ sử dụng.

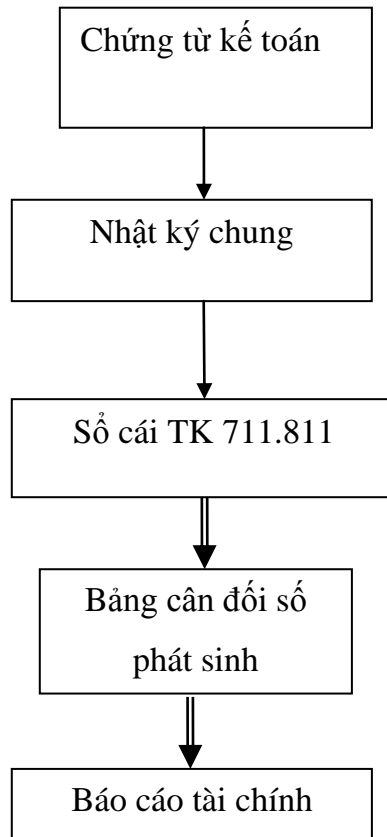
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

*** Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng**

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.8



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Hàng ngày căn cứ vào các phiếu kế toán... kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, kế toán ghi các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu trên nhật ký chung, kế toán phản ánh các nghiệp vụ đó vào sổ cái tài khoản 711,811

Từ số liệu trên sổ cái TK kế toán vào bảng cân đối số phát sinh cuối tháng (định kỳ)

Tại thời điểm cuối tháng (quý) kế toán tiến hành cộng số liệu trên bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ kế toán, từ bảng cân đối số phát sinh, sổ cái các tài khoản kế toán làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 6:

Ngày 21/9/2011 công ty thanh lý 1 máy điều hòa Panasonic, nguyên giá 13.265.000, đã khấu hao 7.106.250đ. Số tiền thanh lý thu được là 3.000.000đ (Chưa bao gồm thuế VAT 10%), chi phí thanh lý 235.000

Căn cứ biên bản thanh lý (Biểu 2.24) kế toán tiến hành lập

- Phiếu thu (Biểu 2.25)
- Phiếu chi (Biểu 2.26)

Từ phiếu thu, phiếu thu kế toán vào nhật ký chung. Từ số liệu trên nhật ký chung kế toán vào:

- Sổ cái TK 711 (Biểu 2.27)
- Sổ cái TK 811 (Biểu 2.28)

Biểu 2.24: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN THANH LÝ NHƯỢNG BÁN TSCĐ

Ngày 21 tháng 9 năm 2011

Căn cứ Quyết định số 72 ngày 21 tháng 9 năm 2011 của giám đốc công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng về việc thanh lý tài sản cố định

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

* Bên thanh lý (Bên A)		
- Bà: Phạm Thị Toan	Chức vụ: Giám đốc	- Trưởng ban
- Bà: Nguyễn Thị Hòa	Chức vụ: Kế toán	- Ủy viên
* Bên mua (Bên B)		
- Ông: Phạm Hồng Thái	Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh	- Trưởng ban
- Ông: Trần Văn Đạt	Chức vụ: Kỹ sư	- Ủy viên

II. Tiến hành thanh lý như sau

Tên, quy cách TSCĐ:	Máy điều hòa nhiệt độ Panasonic
Nước sản xuất:	Nhật Bản
Năm sản xuất:	2007
Năm đưa vào sử dụng:	2008 Số thẻ TSCĐ: 052
Thời gian sử dụng:	7 năm
Gía trị hao mòn đã trích đến thời điểm này:	
Gía trị còn lại là:	

III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ : Máy điều hòa vẫn hoạt động bình thường.

Ngày 21 tháng 9 năm 2011

Trưởng ban thanh lý

(Ký, họ tên)

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 235.000 (viết bằng chữ)
- Giá trị thu hồi : 6.158.750 (viết bằng chữ)
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 21 tháng 9 năm 2011

Ngày 21 tháng 9 năm 2011

Đại diện (Bên A)

(Ký, họ tên)

Đại diện (Bên B)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.25:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

PHIẾU THU

Ngày 21 tháng 9 năm 2011

Quyển số:

Số: 584

Nợ 111: 3.300.000

Có 711: 3.000.000

Có 3331: 300.000

Họ tên người nộp tiền: Công ty TNHH Tiến Đạt

Địa chỉ: Trung Hà – Thủy Nguyên – Hải Phòng

Lý do nộp: Thu tiền thanh lý

Số tiền: 3.300.000 VND (viết bằng chữ) Ba triệu ba trăm nghìn đồng
chẵn.

Kèm theo:Chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 9 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.26:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

PHIẾU CHI

Ngày 21 tháng 9 năm 2011

Quyển số:

Số: 496

Nợ 811:

Có 111:

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hùng

Địa chỉ: Ngũ Lão – Thủy Nguyên - HP

Lý do chi: Trả tiền phí vận chuyển

Số tiền: 235.000 VND (viết bằng chữ) Hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo:Chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 21 tháng 9 năm 2011

Giám đốc	Kế toán	Người	Người lập	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên,</i>	trưởng	nhận tiền	phiếu	<i>(Ký, họ tên)</i>
<i>đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	
		<i>tên)</i>		

Biểu 2.27:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)

Chứng từ		Nội dung	TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
PT525	28/8	Thu tiền thanh lý máy tính	111		1.650.000

PT 584	21/9	Thu tiền thanh lý máy điều hòa	111		3.000.000
PKT46	30/9	Kết chuyển thu nhập khác	911	16.750.000	
		Cộng phát sinh		16.750.000	16.750.000
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.28:

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 811 (Chi phí khác)

Chứng từ		Nội dung	TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
PKT35	28/8	GTCL của máy tính	211	2.350.700	

PC496	21/9	Chi phí thanh lý	111	235.000	
PKT40	21/9	GTCL của máy điều hòa	211	6.158.750	
PKT46	30/9	Kết chuyển chi phí khác	911		21.567.657
		Cộng phát sinh		21.567.657	21.567.657
		<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám Đốc

(Ký, đóng dấu,
họ tên)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

* Nội dung của xác định kết quả kinh doanh

Cuối kỳ kế toán thực hiện khai báo các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, giá vốn, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác, chi phí khác sang Tài khoản 911. Đồng thời, kế toán tạo bút toán kết chuyển lỗ hoặc lãi. Sau đó thực hiện bút toán kết chuyển tự động.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định khi Công ty tiến hành nộp thuế, lúc đó thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và kế toán định khoản bằng bút toán Nợ TK 821 – Có TK 3334

* Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + KQTC + LN khác}$$

Trong đó:

Chi phí là chi phí giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả tài chính : là số chênh lệch giữa doanh thu tài chính (TK 515) và chi phí tài chính (TK 635).

Lợi nhuận khác : Là số chênh lệch giữa thu nhập khác (TK 711) và chi phí khác (TK 811)

* Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

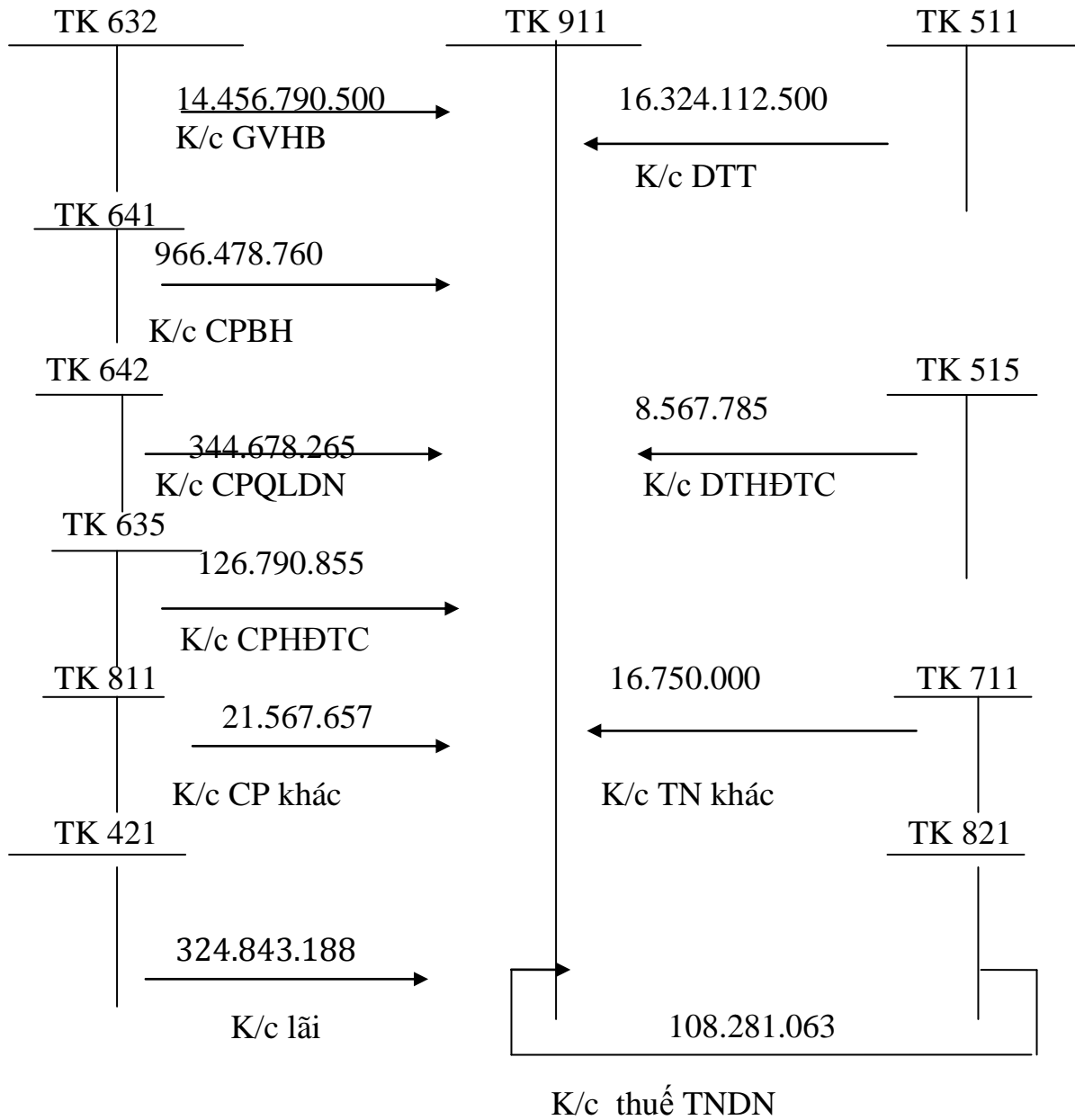
❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

* Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Các bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 2.9 sau đây:

Sơ đồ 2.9: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh quý III năm 2011



Ví dụ minh họa:

Ngày 30/9/2011 kế toán xác định kết quả kinh doanh quý III năm 2011

Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các phiếu kế toán 45 – kết chuyển doanh thu (Biểu 2.29), phiếu kế toán 46 – kết chuyển chi phí (Biểu 2.30).

Căn cứ vào phiếu kế toán vào nhật ký chung,. Từ số liệu trên nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 911 (Biểu 2.31)

Biểu 2.29:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Số 45

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		16.324.112.500	
Doanh thu hoạt động tài chính	515		8.567.785	
Thu nhập khác	711		16.750.000	
K/c doanh thu xác định KQKD	911			16.349.430.285
Cộng tổng			16.349.430.285	16.349.430.285

Bằng chữ: Mười sáu tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.30:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Số 46

Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
Giá vốn hàng bán	632			14.456.790.500
Chi phí tài chính	635			126.790.855
Chi phí bán hàng	641			966.478.760
Chi phí QLDN	642			344.678.265
Chi phí khác	811			21.567.657
Chi phí thuế TNDN	821			108.281.063
Lợi nhuận sau thuế	421			324.843.188
K/c chi phí xác định KQKD	911		16.349.430.285	
Cộng tổng			16.349.430.285	16.349.430.285

Bằng chữ: Mười sáu tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi lăm đồng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2011

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu 2.31:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TOÀN THẮNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Quý III/2011

Tài khoản: 911 (Xác định KQKD)

Chứng từ		Nội dung	TK Đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>			
.....
PKT45	30/9	K/c doanh thu	511		16.324.112.500
PKT46	30/9	K/c giá vốn	632	14.456.790.500	
PKT46	30/9	K/c chi phí bán hàng	641	966.478.760	
PKT46	30/9	K/c Chi phí QLDN	642	344.678.265	
PKT46	30/9	K/c chi phí hoạt động tài chính	635	126.790.855	
PKT46	30/9	K/c chi phí khác	811	21.567.657	
	
		Cộng phát sinh		16.349.430.285	16.349.430.285

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám Đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng tuy là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

3.1.1 Nhận xét chung về công tác kế toán.

- Nhìn chung công tác kế toán của công ty đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, phản ánh được tình hình sử dụng vật tư, lao động, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

- Về hình thức kế toán : công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách hiệu quả. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc và chuyên môn của từng người. Theo mô hình này, các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

- Hệ thống chứng từ công ty sử dụng nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ Tài Chính ban hành. Những thông tin kinh tế đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính và chuẩn mực kế toán thống nhất trên cả nước.

3.1.2 Những ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Nói chung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty đã cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ. Do đó cung cấp số liệu giúp cho các nhà quản lý đưa ra được những quyết định đúng đắn phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi từng loại doanh thu, chi tiết từng mặt hàng, từng sản phẩm, từng cửa hàng, từng khách hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình thanh toán, ứ đọng vốn đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi công nợ của công ty.

- Về kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty đã đảm bảo được tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.3. Những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng

Bên cạnh những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

Bên cạnh đó bộ máy kế toán của công ty chủ yếu là những đội ngũ nhân viên trẻ, trình độ chuyên môn từ trung cấp đến cao đẳng chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác kế toán nên hiệu quả công việc chưa cao, không đảm bảo được nhiệm vụ, yêu cầu cao hơn của nhà quản lý.

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán: Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán còn ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính excel, nếu nhiều nghiệp vụ phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công

việc dễ dẫn đến những nhầm lẫn, sai sót làm giảm hiệu quả công việc, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

*** Về hệ thống tài khoản sử dụng.**

- Chi phí bán hàng, chi phí liên quan đến hoạt động quản lý, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 641, 642 mà không mở chi tiết TK cấp 2 của TK 641, 642. Do đó gây khó khăn trong việc xác định nguyên nhân dẫn đến tăng chi phí ở bộ phận nào để tìm cách khắc phục. Đồng thời doanh nghiệp cũng khó xác định được loại chi phí nào thiết thực nhất cho công ty, loại chi phí nào cần giảm thiểu.

*** Về việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi (hạch toán chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán).**

Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty tương đối lớn so với quy mô của công ty do đó gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay của vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Hiện nay công ty cũng không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu như chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán. Việc không áp dụng chiết khấu thương mại của công ty sẽ làm cho doanh thu của công ty giảm đi đáng kể do khách hàng không được hưởng lợi nhiều khi mua hàng với số lượng lớn. Đối với việc không áp dụng chiết khấu thanh toán sẽ gây khó khăn trong việc thu hồi nợ của công ty.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện

Kế toán là một bộ phận cấu thành của công cụ quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế, căn cứ vào số liệu kế toán cung cấp để các nhà quản lý có thể lập và kiểm tra kế hoạch sản

xuất kinh doanh. Đồng thời trên cơ sở phân tích các số liệu kế toán mà các nhà quản trị có thể đưa ra biện pháp và phương hướng kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Đối với các doanh nghiệp thương mại với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hóa mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp Thương Mại. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước.

Ngày nay khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải cung cấp các thông tin về tình hình tài chính của mình phải kịp thời, trung thực và đầy đủ đối với các đối tác, ngân hàng và các cơ quan quản lý Nhà nước. Để làm được điều đó thì công ty phải có một mô hình bộ máy kế toán hợp lý, các nhân viên với trình độ chuyên môn giỏi... Điều đó chính là một đòi hỏi khách quan cho việc hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Từ những hạn chế nêu trên và dựa trên những kiến thức em đã được tích lũy qua quá trình học tập của mình, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp với mong muốn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp, mà còn hiểu biết nhiều về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là

những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty.
- Cần phải kết hợp giữa bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc đưa ra các phương hướng hoàn thiện.
- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng luật pháp, các chế độ tài chính chuẩn mực kế toán mà Nhà nước và Bộ Tài Chính đã ban hành.
- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Tiến hành chỉ đạo thống nhất từ Ban lãnh đạo đến các phòng ban, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban với phòng ban của Công ty nhằm đảm bảo sự xuyên suốt, hợp lý.

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mang lại ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp:

+ Đối với công tác quản lý, hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm nâng cao doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác và hợp lý, kích thích người lao động làm việc thực hiện đúng các nghĩa vụ đối với nhà nước.

+ Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu chính xác, tin cậy giúp

cho các nhà quản lý đánh giá chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Thông qua số liệu mà kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó các nhà quản lý sẽ đưa ra những biện pháp kịp thời để giải quyết những khó khăn và phát huy những thuận lợi nhằm mục đích đưa doanh nghiệp ngày càng tiến xa hơn trên con đường kinh doanh của mình.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.

Biện pháp một: Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.

- Bộ máy kế toán: Để đáp ứng những đòi hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ cũng giống như trình độ kế toán của các kế toán viên trong công ty nhằm làm cho bộ máy kế toán được hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong bộ máy kế toán nói riêng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, công ty cần hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán bằng việc công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khóa học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Làm tốt công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ sẽ giúp cho các nhân viên kế toán vững tin vào tay nghề chuyên môn của mình. Mặt khác công ty có thể tuyển dụng thêm những kế toán có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm để đảm bảo công tác kế toán được hiệu quả hơn.

Ngoài ra việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán, tránh một người ôm đồm quá nhiều việc.

Nếu công ty làm tốt được việc đào tạo chuyên môn cho các nhân viên kế toán đây chính là tiền đề cơ bản cho việc hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty đồng thời từ đó tạo cơ sở cho tình hình kinh doanh của doanh nghiệp được ổn định với đội ngũ

nhân viên lành nghề, dày dặn kinh nghiệm, làm cho hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng được nâng cao.

- Công tác ghi chép sổ sách: Hiện nay công nghệ thông tin ngày một phát triển, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán là điều mà các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp thực sự quan tâm. Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện bước tiến mới không chỉ cho các ngành kinh doanh nói riêng mà nó khẳng định bước nhảy vọt của nền kinh tế nước ta nói chung.

Công ty vẫn sử dụng việc tính toán và hạch toán thủ công trên excel, với khối lượng công việc và ứng dụng công nghệ đang được mở rộng trên thị trường đòi hỏi công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công việc hàng ngày để mọi sổ sách kế toán đều được lưu trữ trên máy tính, và các kế toán phụ trách từng mảng kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời thao tác kế toán được nhanh chóng và chính xác hơn. Có như vậy kế toán tổng hợp mới có thể lập được báo cáo trung thực và phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty. Đồng thời giúp cho Ban giám đốc công ty luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy tính, phục vụ cho công tác kế toán, điều đó tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán từ đó giảm bớt công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Ngoài việc mua một phần mềm kế toán phục vụ cho hoạt động kế toán trong doanh nghiệp công ty cũng có thể đặt phần mềm theo quy trình hoạt động của công ty, nhằm làm cho kế toán viên thích ứng được nhanh chóng với quy trình hoạt động của phần mềm. Mặt khác công ty nên mời chuyên gia về hướng dẫn và đào tạo cho các nhân viên kế toán sử dụng thông thạo phần mềm tránh tình trạng nhầm lẫn hoặc sai sót xảy ra.

Việc ứng dụng phần mềm vào quản lý giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ tìm, dễ thấy và

cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý. Tiết kiệm được thời gian, chi phí và hầu hết các phần mềm kế toán đều có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Ngoài ra còn giảm bớt được sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty. Hệ thống sổ sách được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm: phần mềm MISA, 3S Accounting 7.5, SMART, VACOM,... Công ty có thể tham khảo để ứng dụng phiên bản mới này.

Biện pháp hai: Hoàn thiện hệ thống tài khoản sử dụng:

Chi phí là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Một doanh nghiệp muốn đạt được hiệu quả kinh doanh tối ưu cần giảm thiểu được chi phí một cách khoa học, tận dụng triệt để các khoản chi phí cần thiết phục vụ cho quá trình kinh doanh của mình. Vấn đề đặt ra đối với doanh nghiệp là cần xác định rõ các khoản chi phí ảnh hưởng như thế nào đối với kết quả kinh doanh của công ty để có biện pháp cụ thể giảm thiểu tối ưu mang lại hiệu quả kinh doanh thiết thực cho doanh nghiệp.

Với tình hình kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều do chưa mở Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36 – DN ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC) nên khi phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng và quản lý doanh nghiệp, kế toán chỉ theo dõi chung trên TK 641, 642 mà không chia ra thành các yếu tố. Việc theo dõi chi phí theo từng yếu tố sẽ giúp cho công ty nắm bắt và quản lý chi phí dễ dàng hơn. Công ty nên mở tiểu khoản cấp 2 cho TK 641, 642:

TK 641- Chi phí bán hàng

- TK 6411: Chi phí nhân viên

- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 3.1)

Biểu 3.1: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:.....

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ TK 641, 642....							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
					
			- Số dư đầu kỳ									
			- Số phát sinh trong kỳ									
			- Cộng số phát sinh trong kỳ									
			- Ghi có TK ...									
			- Số dư cuối kỳ									

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Doanh nghiệp khi mở tài khoản cấp 2 sẽ giúp cho việc ghi nhận chi phí được cụ thể, rõ ràng và minh bạch. Đồng thời qua đó xác định được cụ thể từng loại chi phí ảnh hưởng như thế nào đến doanh thu của công ty, giúp cho doanh nghiệp biết được những loại chi phí nào đã tiết kiệm, loại nào còn lãng phí để từ đó đề ra biện pháp giảm thiểu, tiết kiệm nhằm đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp.

Biện pháp ba: Hoàn thiện chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi (hạch toán chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán).

Là công ty thương mại đang trên đà phát triển công ty cũng lên chú trọng đến các biện pháp nhằm thu hút khách hàng. Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả mặt hàng không ngừng biến động vì vậy để tồn tại và phát triển ngày càng vững mạnh công ty nên có những chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Với hình thức là công ty thương mại chuyên kinh doanh nhiều mặt hàng, nhiều chủng loại hàng hóa do đó chính sách chiết khấu thương mại là hoàn toàn phù hợp nhằm tăng cường và phát triển hệ thống khách hàng cho doanh nghiệp.

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thảo thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Tùy theo giá trị của lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu thương mại trên giá trị lô hàng cho phù hợp.
- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi mà doanh nghiệp đã xây dựng.
- Căn cứ vào các chính sách ưu đãi của các doanh nghiệp cùng loại trên thị trường nhằm xác định mức chiết khấu phù hợp với khách hàng.

Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong các trường hợp sau:

- + Chứng từ trong hóa đơn: Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá

(đã trừ CKTM) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+ Chứng từ ngoài hóa đơn: Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thương mại thì khoản CKTM này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền CKTM cho người mua, khoản CKTM này được hạch toán vào TK 521

Phương pháp hạch toán chiết khấu thương mại của công ty

Để hạch toán khoản chiết khấu thương mại công ty sử dụng TK 521- Chiết khấu thương mại.

Khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản CKTM mà người mua được hưởng.

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ kế toán ghi:

Nợ TK 521- Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112 – Thanh toán ngay

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển số CKTM được công ty chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521- Chiết khấu thương mại.

Với việc áp dụng biện pháp khuyến khích này công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn phát triển được lượng khách hàng mới trong tương lai vì công ty đã sử dụng chính sách ưu đãi trong bán hàng giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ, tăng tiềm lực cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra việc mở thêm tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ hơn hệ thống tài khoản kế toán cho công ty.

Chính sách thu hồi nợ: Hiện nay công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng với vai trò là 1 doanh nghiệp thương mại có số lượng khách hàng tương đối lớn, việc bán hàng không thể tránh khỏi các khoản nợ lại của khách, do đó gây khó khăn trong công tác quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cần phải có những chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty.

Để thực hiện tốt chính sách thu hồi nợ doanh nghiệp nên đề ra các biện pháp:

- Phải thường xuyên quan tâm, đốc thúc các khách hàng nợ tiền và những người có liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như các cá nhân không hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các biện pháp thu hồi nợ phải đảm bảo hai nguyên tắc:

- + Lợi ích công ty không bị xâm hại
- + Không mất đi bạn hàng

Doanh nghiệp nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách: Chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong nền kinh tế đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay công ty có một số khách hàng lâu năm, giá trị dịch vụ cung cấp khá lớn trong số đó có nhiều khách hàng thường xuyên thanh toán chậm. Công ty nên đưa ra các phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty, hạn chế bớt đi các khoản đi vay. Chiết

khấu thanh toán có thể áp dụng cả với những khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Lãi cho vay của ngân hàng

Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Căn cứ vào từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu cụ thể

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 (Chi phí hoạt động tài chính).

Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kết toán ghi:
Nợ TK 635 – Số chiết khấu thanh toán dành cho người mua
Có TK 131, 111, 112 – Số tiền trả cho người mua
Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thanh toán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Có TK 635 – Chiết khấu thanh toán

Thực hiện tốt giải pháp về thu hồi nợ giúp cho doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay của vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn. Em thấy công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn và là một công cụ quan trọng trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể thiếu trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ....phản ánh một cách đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty em xin phép mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Do kiến thức còn hạn chế nên chuyên đề không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ của ban lãnh đạo công ty, các thầy cô giáo và các cô chú trong phòng kế toán của công ty để em hoàn thiện chuyên đề này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các thầy cô đặc biệt là cô giáo Th.s Nguyễn Thị Mỹ cùng các cô chú phòng kế toán trong công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình thực tập và hoàn thành chuyên đề.

Hải Phòng ngày....tháng.....năm....

Sinh viên

Lê Thị Huân

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn	GTGT:	Giá trị gia tăng
XK:	Xuất khẩu	TTDB:	Tiêu thụ đặc biệt
BHXH:	Bảo hiểm xã hội	BHYT:	Bảo hiểm y tế
KPCĐ:	Kinh phí công đoàn	TSCĐ:	Tài sản cố định
TK:	Tài khoản	NSNN:	Ngân sách nhà nước
PP:	Phương pháp	KC:	Kết chuyển
GVHB:	Giá vốn hàng bán	DT:	Doanh thu
DTHĐTC:	Doanh thu hoạt động tài chính	CL:	Chênh lệch
CKTM:	Chiết khấu thương mại	KKĐK:	Kiểm kê định kỳ
CCDC:	Công cụ dụng cụ	CPBH:	Chi phí bán hàng
CPQLDN:	Chi phí quản lý doanh nghiệp	CPTC:	Chi phí tài chính
DTTC:	Doanh thu tài chính	CPHĐ:	Chi phí hoạt động
SXKD:	Sản xuất kinh doanh	HĐ:	Hoạt động
DTT:	Doanh thu thuần	TM:	Thương mại
TNDN:	Thu nhập doanh nghiệp	STT:	Số thứ tự
KQKD:	Kết quả kinh doanh	CP:	Chi phí
KQTC:	Kết quả tài chính	LN:	Lợi nhuận

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp – Nhà xuất bản thống kê năm 2009
 - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
 - Quyển 2: Báo cáo tài chính, Chứng từ, Sổ kế toán và sơ đồ kế toán chủ yếu
2. Giáo trình kế toán tài chính – TS. Võ Văn Nhị
3. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp – Chủ biên: PGS.TS Nguyễn Thị Đông
4. Lý thuyết về thực hành kế toán tài chính – Chủ biên: TS. Nguyễn Văn Công
5. Websize: www.webketoan.com.vn
6. Tài liệu, sổ sách kế toán do công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng cung cấp, lấy số liệu năm 2011

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP	3
1.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.1. Doanh thu và các loại doanh thu	3
1.1.2 .Chi phí và các loại chi phí.....	6
1.1.3.Xác định kết quả kinh doanh	Error! Bookmark not defined.
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	10
1.1.5.Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	10
1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	Error! Bookmark not defined.
1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán	20
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	26
1.2.4.Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	29
1.2.5. Kế toán toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	32
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	35

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	38
1.3.1. Hình thức nhật ký chung.....	38
1.3.2. Hình thức nhật ký – Sổ cái.....	39
1.3.3. Hình thức nhật ký chứng từ	39
1.3.4. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	39
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	40

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG42

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.....	42
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.....	42
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng	43
2.1. 3.Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty	44
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.....	46
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.....	51
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng.....	51
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	61
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	69
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	78
2.2.5. Kế toán thu nhập, chi phí khác	87
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	95

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

THẮNG.....101

3.1.Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng101

3.1.1. Nhận xét chung về công tác kế toán. 101

3.1.2. Những ưu điểm về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng..... 102

3.1.3 .Những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng..... 103

3.2 Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng..... 104

3.2.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện..... 104

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện. 105

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng 107

KẾT LUẬN.....116

TÀI LIỆU THAM KHẢO

